

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TRƯỜNG MẦM NON VĨNH HÒA

## BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TRƯỜNG MẦM NON VĨNH HÒA

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên           | Chức danh, chức vụ             | Nhiệm vụ     | Chữ ký |
|----|---------------------|--------------------------------|--------------|--------|
| 1  | Cao Thị Thu Tắt     | Hiệu trưởng                    | Chủ tịch     |        |
| 2  | Phan Thị Mỹ Dung    | Phó hiệu trưởng                | Phó Chủ tịch |        |
| 3  | Lê Thị Tú Minh      | Thư ký hội đồng                | Thành viên   |        |
| 4  | Bùi Thị Kim Phúc    | Chủ tịch công đoàn             | Thành viên   |        |
| 5  | Phan Thị Hải Yến    | Thanh tra nhân dân             | Thành viên   |        |
| 6  | Trần Ngọc Mai       | Tổ trưởng<br>GVMG 4-6 tuổi     | Thành viên   |        |
| 7  | Lê Thị Thúy         | Tổ trưởng<br>GVNT- MG 3-4 tuổi | Thành viên   |        |
| 8  | Lê Thị Ánh Tuyết    | Nhân viên Y tế                 | Thành viên   |        |
| 9  | Nguyễn Thị Bảo Trân | Kế toán                        | Thành viên   |        |
| 10 | Nguyễn Thị Yến      | Giáo viên                      | Thành viên   |        |
| 11 | Nguyễn Thị Nhung    | Giáo viên                      | Thành viên   |        |

KHÁNH HÒA - 2025

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                            | Trang |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                             | 1     |
| Danh mục các từ viết tắt                                                                            | 4     |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                                   | 5-6   |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                        | 7-12  |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                         | 13    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                                | 13-16 |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                               | 16    |
| <b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3</b>                                                         | 16    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: - Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                                | 16-36 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                       | 16    |
| <i>Tiêu chí 1.1 - Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</i>                    | 16-18 |
| <i>Tiêu chí 1.2 - Hội đồng trường và các hội đồng khác</i>                                          | 18-20 |
| <i>Tiêu chí 1.3 - Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường</i> | 20-23 |
| <i>Tiêu chí 1.4 - Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng</i>                   | 23-25 |
| <i>Tiêu chí 1.5 - Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo</i>                                  | 25-27 |
| <i>Tiêu chí 1.6 - Quản lý hành chính, tài chính và tài sản</i>                                      | 27-29 |
| <i>Tiêu chí 1.7 - Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên</i>                                        | 29-30 |
| <i>Tiêu chí 1.8 - Quản lý các hoạt động giáo dục</i>                                                | 30-32 |
| <i>Tiêu chí 1.9 - Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</i>                                               | 32-33 |
| <i>Tiêu chí 1.10 - Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</i>                                  | 33-36 |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</b>                                                                     | 35-36 |
| <b>Tiêu chuẩn 2: - Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>                                         | 36-42 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                       | 36-37 |

| <b>NỘI DUNG</b>                                                                                                                                                        | <b>Trang</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <i>Tiêu chí 2.1 - Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng</i>                                                                                                             | 37-38        |
| <i>Tiêu chí 2.2 - Đối với giáo viên</i>                                                                                                                                | 39-40        |
| <i>Tiêu chí 2.3 - Đối với nhân viên</i>                                                                                                                                | 40-42        |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</b>                                                                                                                                        | 42           |
| <b>Tiêu chuẩn 3: - Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                                                                                              | 42-49        |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                                                                          | 43           |
| <i>Tiêu chí 3.1 - Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>                                                                     | 43-44        |
| <i>Tiêu chí 3.2 - Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>                                               | 44-46        |
| <i>Tiêu chí 3.3 - Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i> | 46-48        |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</b>                                                                                                                                        | 48-49        |
| <b>Tiêu chuẩn 4: - Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                                                                                     | 49-53        |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                                                                          | 49           |
| <i>Tiêu chí 4.1 - Ban đại diện cha mẹ trẻ</i>                                                                                                                          | 49-51        |
| <i>Tiêu chí 4.2 - Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường</i>                                                   | 51-53        |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</b>                                                                                                                                        | 53           |
| <b>Tiêu chuẩn 5: - Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>                                                                                         | 54           |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                                                                          | 54           |
| <i>Tiêu chí 5.1 - Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non</i>                                                                                                          | 54-56        |
| <i>Tiêu chí 5.2 - Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ</i>                                                                                           | 56-59        |
| <i>Tiêu chí 5.3 - Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</i>                                                                                                          | 59-61        |
| <i>Tiêu chí 5.4 - Kết quả giáo dục</i>                                                                                                                                 | 61-63        |

| <b>NỘI DUNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Trang</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 63-64        |
| <b>II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 64-69        |
| <i>Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.</i>                                                                          | 64-65        |
| <i>Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.</i> | 65           |
| <i>Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.</i>                                                                                                                               | 66           |
| <i>Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.</i>                                                                                                      | 66-67        |
| <i>Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                       | 67-68        |
| <i>Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.</i>                                                                                                                                                                              | 68-69        |
| <b>Kết luận</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 68-69        |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 69-70        |

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| <b>Chuỗi ký tự viết tắt</b> | <b>Cụm từ - thuật ngữ được viết tắt</b> |
|-----------------------------|-----------------------------------------|
| CB, GV, NV                  | Cán bộ, giáo viên, nhân viên            |
| CĐCS                        | Công đoàn cơ sở                         |
| CTGDMN                      | Chương trình giáo dục mầm non           |
| ĐDCMT                       | Đại diện Cha mẹ trẻ                     |
| GDMN                        | Giáo dục mầm non                        |
| GD&ĐT                       | Giáo dục và Đào tạo                     |
| KĐCLGD                      | Kiểm định chất lượng giáo dục           |
| NDCSGD                      | Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục          |
| PCCC                        | Phòng cháy chữa cháy                    |
| SDD                         | Suy dinh dưỡng                          |
| UBND                        | Ủy ban nhân dân                         |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả tự đánh giá |       |       |       |
|-------------------------|---------------------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt           | Đạt   |       |       |
|                         |                     | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                     |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |                     | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.2            |                     | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.3            |                     | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.4            |                     | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.5            |                     | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.6            |                     | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.7            |                     | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.8            |                     | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.9            |                     | x     | x     | -     |
| Tiêu chí 1.10           |                     | x     | x     | -     |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                     |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |                     | x     | x     |       |
| Tiêu chí 2.2            |                     | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 2.3            |                     | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                     |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            |                     | x     | -     | -     |
| Tiêu chí 3.2            |                     | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.3            |                     | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                     |       |       |       |

|                     |  |   |   |   |
|---------------------|--|---|---|---|
| Tiêu chí 4.1        |  | x | x | x |
| Tiêu chí 4.2        |  | x | x |   |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |  |   |   |   |
| Tiêu chí 5.1        |  | x | x |   |
| Tiêu chí 5.2        |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3        |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.4        |  | x | x | x |

**Kết quả: Đạt Mức 2**

### 1.2. Đánh giá theo Mức 4

| Tiêu chí | Kết quả tự đánh giá |           | Ghi chú |
|----------|---------------------|-----------|---------|
|          | Đạt                 | Không đạt |         |
| 1        |                     | x         |         |
| 2        |                     | x         |         |
| 3        |                     | x         |         |
| 4        |                     | x         |         |
| 5        |                     | x         |         |
| 6        |                     | x         |         |

**Kết quả: Không đạt Mức 4**

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 2.



## Phần I

### CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Vĩnh Hòa

Tên trước đây: Trường Mẫu giáo Dân lập Vĩnh Hòa

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang

|                                       |                                                              |                                     |                                   |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Tỉnh</b>                           | Khánh Hòa                                                    | <b>Họ và tên Hiệu trưởng</b>        | Cao Thị Thu Tất                   |
| <b>Thành phố</b>                      | Nha Trang                                                    | <b>Điện thoại</b>                   | 02583551968                       |
| <b>Phường</b>                         | Vĩnh Hòa                                                     | <b>Fax</b>                          |                                   |
| <b>Đạt CQG</b>                        | Mức độ 1                                                     | <b>Website</b>                      | mnvhoa-<br>nt@khanhhoa.edu<br>.vn |
| <b>Năm thành lập trường</b>           | Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 05/12/2006 UBND TP Nha Trang | <b>Số điểm trường</b>               | 2                                 |
| <b>Công lập</b>                       | x                                                            | <b>Loại hình khác</b>               |                                   |
| <b>Tư thực</b>                        |                                                              | <b>Thuộc vùng khó khăn</b>          |                                   |
| <b>Dân lập</b>                        |                                                              | <b>Thuộc vùng đặc biệt khó khăn</b> |                                   |
| <b>Trường liên kết với nước ngoài</b> |                                                              |                                     |                                   |

#### 1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

| Số nhóm, lớp                     | Năm học 2020 - 2021 | Năm học 2021 - 2022 | Năm học 2022 - 2023 | Năm học 2023 - 2024 | Năm học 2024 - 2025 |
|----------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi  | 0                   | 0                   | 0                   | 0                   | 0                   |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0                   | 0                   | 1                   | 1                   | 1                   |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 2                   | 2                   | 2                   | 2                   | 1                   |

| Số nhóm,<br>lớp               | Năm học<br>2020 - 2021 | Năm học<br>2021 - 2022 | Năm học<br>2022 - 2023 | Năm học<br>2023 - 2024 | Năm học<br>2024 - 2025 |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Lớp mẫu<br>giáo 3 - 4<br>tuổi | 3                      | 3                      | 2                      | 2                      | 3                      |
| Lớp mẫu<br>giáo 4 - 5<br>tuổi | 4                      | 4                      | 2                      | 3                      | 2                      |
| Lớp mẫu<br>giáo 5 - 6<br>tuổi | 4                      | 4                      | 3                      | 2                      | 3                      |
| <b>Cộng</b>                   | <b>13</b>              | <b>13</b>              | <b>10</b>              | <b>10</b>              | <b>10</b>              |

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| T<br>T    | Số liệu                                                  | Năm học<br>2020 - 2021 | Năm học<br>2021 - 2022 | Năm học<br>2022 - 2023 | Năm học<br>2023 - 2024 | Năm học<br>2024 - 2025 |
|-----------|----------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Khối<br/>phòng<br/>nhóm trẻ,<br/>lớp mẫu<br/>giáo</b> | <b>14</b>              | <b>14</b>              | <b>10</b>              | <b>10</b>              | <b>10</b>              |
| 1         | <i>Phòng kiên<br/>cố</i>                                 | 14                     | 14                     | 10                     | 10                     | 10                     |
| 2         | <i>Phòng bán<br/>kiên cố</i>                             | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| 3         | <i>Phòng tạm</i>                                         | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| <b>II</b> | <b>Khối<br/>phòng<br/>phục vụ<br/>học tập</b>            | <b>3</b>               | <b>3</b>               | <b>2</b>               | <b>2</b>               | <b>2</b>               |
| 1         | <i>Phòng kiên<br/>cố</i>                                 | 3                      | 3                      | 2                      | 2                      | 2                      |
| 2         | <i>Phòng bán<br/>kiên cố</i>                             | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| 3         | <i>Phòng tạm</i>                                         | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |

| <b>T<br/>T</b> | <b>Số liệu</b>                                                                | <b>Năm học<br/>2020 - 2021</b> | <b>Năm học<br/>2021 - 2022</b> | <b>Năm học<br/>2022 - 2023</b> | <b>Năm học<br/>2023 - 2024</b> | <b>Năm học<br/>2024 - 2025</b> |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| <b>III</b>     | <b>Khối<br/>phòng<br/>hành<br/>chính<br/>quản trị</b>                         | <b>10</b>                      | <b>10</b>                      | <b>7</b>                       | <b>7</b>                       | <b>7</b>                       |
| 1              | <i>Phòng kiên<br/>cố</i>                                                      | 10                             | 10                             | 7                              | 7                              | 7                              |
| 2              | <i>Phòng bán<br/>kiên cố</i>                                                  | 0                              | 0                              | 0                              | 0                              | 0                              |
| 3              | <i>Phòng tạm</i>                                                              | 0                              | 0                              | 0                              | 0                              | 0                              |
| <b>IV</b>      | <b>Khối<br/>phòng tổ<br/>chức ăn</b>                                          | <b>3</b>                       | <b>3</b>                       | <b>2</b>                       | <b>2</b>                       | <b>2</b>                       |
| <b>V</b>       | <b>Các công<br/>trình, khối<br/>phòng<br/>chức năng<br/>khác (nếu<br/>có)</b> | <b>0</b>                       | <b>0</b>                       | <b>0</b>                       | <b>0</b>                       | <b>0</b>                       |
| <b>Cộng</b>    |                                                                               | <b>26</b>                      | <b>26</b>                      | <b>21</b>                      | <b>21</b>                      | <b>21</b>                      |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 4/2025

|                 | <b>Tổng<br/>số</b> | <b>Nữ</b> | <b>Dân<br/>tộc</b> | <b>Trình độ đào tạo</b> |          |           | <b>Ghi chú</b> |
|-----------------|--------------------|-----------|--------------------|-------------------------|----------|-----------|----------------|
|                 |                    |           |                    | Trung cấp               | Cao đẳng | Đại học   |                |
| Hiệu trưởng     | 1                  | 1         |                    |                         |          | 1         |                |
| Phó hiệu trưởng | 1                  | 1         |                    |                         |          | 1         |                |
| Giáo viên       | 21                 | 21        |                    |                         | 1        | 20        | 1 GVHĐ         |
| Nhân viên       | 13                 | 10        |                    | 1                       |          | 1         |                |
| <b>Cộng</b>     | <b>37</b>          | <b>34</b> |                    | <b>1</b>                | <b>1</b> | <b>23</b> |                |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| <b>T<br/>T</b> | <b>Số liệu</b>                                                | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> | <b>Năm học<br/>2023-2024</b> | <b>Năm học<br/>2024-2025</b> |
|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1              | Tổng số giáo viên                                             | 26                           | 26                           | 21                           | 21                           | 21                           |
| 2              | Tỷ lệ giáo viên/lớp                                           | 2,0                          | 2,0                          | 2,1                          | 2,1                          | 2,1                          |
| 3              | Tỷ lệ giáo viên/trẻ em                                        | 1/15,6                       | 1/14,6                       | 1/13,6                       | 1/13,09                      | 1/14,2                       |
| 4              | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên | 5                            | 5                            | 7                            | 7                            | 9                            |
| 5              | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên                   | 1                            | 1                            | 1                            | 1                            | 1                            |
| 6              | Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên       | 24/26<br>(92,3%)             | 24/26<br>(92,3%)             | 21/21<br>(100)               | 21/21<br>(100)               | 21/21<br>(100)               |

#### 4. Trẻ em

| <b>T<br/>T</b> | <b>Số liệu</b>       | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> | <b>Năm học<br/>2023-2024</b> | <b>Năm học<br/>2024-2025</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|----------------|----------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1              | Tổng số trẻ em       | 406                          | 379                          | 285                          | 275                          | 299                          |                    |
|                | - Nữ                 | 214                          | 145                          | 146                          | 135                          | 153                          |                    |
|                | - Dân tộc thiểu số   | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
| 2              | Đối tượng chính sách | 1                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
| 3              | Khuyết tật           | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
| 4              | Tuyển mới            | 78                           | 82                           | 90                           | 105                          | 120                          |                    |

| <b>T<br/>T</b> | <b>Số liệu</b>                                | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> | <b>Năm học<br/>2023-2024</b> | <b>Năm học<br/>2024-2025</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|----------------|-----------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 5              | Học <sup>2</sup><br>buổi/ngày                 | 406                          | 379                          | 285                          | 275                          | 299                          |                    |
| 6              | Bán trú                                       | 406                          | 379                          | 285                          | 275                          | 299                          |                    |
| 7              | Tỉ lệ trẻ<br>em/lớp                           | 352/11<br>(32)               | 313/10<br>(31,3)             | 210/7<br>(30)                | 208/7<br>(29,7)              | 248/8<br>(31)                |                    |
| 8              | Tỉ lệ trẻ<br>em/nhóm                          | 54/2<br>(27)                 | 66/2<br>(22)                 | 71/3<br>(23,66)              | 67/3<br>(22,3)               | 51/2<br>(25,5)               |                    |
| 9              | Nhóm trẻ<br>từ 3 đến 12<br>tháng tuổi         | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
|                | Nhóm trẻ<br>từ 13 đến<br>24 tháng<br>tuổi     | 0                            | 0                            | 24                           | 21                           | 24                           |                    |
|                | Nhóm trẻ<br>từ 25 đến<br>36 tháng<br>tuổi     | 54                           | 66                           | 47                           | 46                           | 27                           |                    |
|                | Lớp mẫu<br>giáo 3- 4<br>tuổi                  | 82                           | 80                           | 54                           | 50                           | 73                           |                    |
|                | Lớp mẫu<br>giáo 4-5<br>tuổi                   | 129                          | 115                          | 66                           | 82                           | 70                           |                    |
|                | Lớp mẫu<br>giáo 5 - 6<br>tuổi                 | 141                          | 118                          | 94                           | 76                           | 105                          |                    |
| 10             | Tổng số trẻ<br>em có hoàn<br>cảnh đặc<br>biệt | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |

| <b>T<br/>T</b> | <b>Số liệu</b>                                  | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-2023</b> | <b>Năm học<br/>2023-2024</b> | <b>Năm học<br/>2024-2025</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|----------------|-------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 11             | Tổng số trẻ suy dinh dưỡng cuối năm             | 6                            | 6                            | 1                            | 3                            | 4                            |                    |
|                | - <i>Thể nhẹ cân</i>                            | 3                            | 3                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
|                | - <i>Thể thấp còi</i>                           | 3                            | 3                            | 1                            | 3                            | 4                            |                    |
| 12             | Tổng số trẻ khuyết tật                          | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
|                | - <i>Số trẻ học hòa nhập</i>                    | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
|                | - <i>Số trẻ học hòa nhập được can thiệp sớm</i> | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |
| 13             | Tổng số trẻ được làm quen tiếng Anh             | 50                           | 109                          | 157                          | 142                          | 170                          |                    |
| 14             | Tổng số trẻ được học tăng cường tiếng Việt      | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |                    |

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Mầm non Vĩnh Hòa được thành lập từ năm 2006 (Quyết định số 5115/QĐ-CT-UBND ngày 05/12/2006 của UBND thành phố Nha Trang ) với 3 điểm trường có tên gọi Trường Mẫu giáo Dân lập Vĩnh Hòa. Năm 2009 trường đổi tên thành Trường Mầm non Vĩnh Hòa (Quyết định số 5022/QĐ-CT-UBND ngày 21/8/2009 của UBND thành phố Nha Trang) là loại hình trường dân lập do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý. Năm 2011, Trường Mầm non Vĩnh Hòa chuyển đổi thành trường mầm non công lập (Quyết định số 4461/QĐ-CT-UBND ngày 29/6/2011 của UBND thành phố Nha Trang), trường trực thuộc Phòng GD&ĐT thành phố Nha Trang.

Năm 2022, Trường Mầm non Vĩnh Hòa được Sở GD&ĐT tỉnh Khánh Hòa kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 696/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022 của Sở GD&ĐT Khánh Hòa), tháng 5 năm 2016, trường được công nhận là Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (theo QĐ số 2594/QĐ-CTUBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa).

Trường có 02 điểm trường với tổng diện tích 2144,5 m<sup>2</sup>, điểm chính trên đường Trịnh Hoài Đức được xây dựng và đưa vào sử dụng năm học 2018-2019; điểm phụ 1 tại số 13 - Lê Nghi, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang. Tháng 8/2022 điểm trường 81 Ngô Văn Sở giao lại cho Trường Mầm non Sao Biển hoạt động. Từ năm học 2022-2023 đến nay Trường có 10 nhóm lớp, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất để nuôi dưỡng , chăm sóc và giáo dục trẻ trên địa bàn bao gồm 10 phòng học khang trang , có đầy đủ các phòng chức năng và bếp ăn một chiều tại 02 điểm trường.

Tổng số CBQL, GV, NV là 37 người; Trong đó, CBQL có 03 người, GV có 21 người, NV có 13 người (tháng 12/2024 có 01 CBQL nghỉ hưu và 01 GV nghỉ thôi việc), đội ngũ cơ bản đáp ứng được các tiêu chí về trình độ chuyên môn, chuẩn nghề nghiệp và đảm bảo sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trường có Chi bộ độc lập gồm 19 đảng viên, nhiều năm liền đạt Chi bộ hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Công đoàn cơ sở của nhà trường có 37 công đoàn viên.

Nhiệm vụ của nhà trường là NDCSGD trẻ từ 18-24 tháng tuổi đến 5 tuổi. Nhà trường có 299 trẻ/10 nhóm, lớp (02 nhóm trẻ và 08 lớp mẫu giáo). Trong đó điểm trường chính có 199 trẻ/6 nhóm lớp, điểm trường lẻ có 100 trẻ/4 lớp.

Trong những năm qua tập thể CBQL , GV, NV toàn trường không ngừng vượt mọi khó khăn, nỗ lực, đoàn kết hoàn thành tốt và xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, 2 năm liền trường được công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc (năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023); đặc biệt, năm học 2022-2023 nhà trường

vinh dự được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác Giáo dục và Đào tạo (theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 05/9/2023), ngoài ra, trong nhiều năm liền nhà trường đạt nhiều thành tích cao trong các hội thi, hội giảng, các phong trào thi đua của ngành và địa phương.

## **2. Mục đích tự đánh giá**

Nghiêm túc đánh giá toàn bộ các hoạt động của nhà trường với mục đích là xác định cấp độ chất lượng giáo dục, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ; đồng thời giải trình với các cấp lãnh đạo, với xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để các cấp lãnh đạo đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Trên cơ sở phát huy những điểm mạnh, thành quả đã đạt được và có biện pháp để khắc phục những tồn tại, những điểm yếu, qua công tác tự đánh giá, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường, từng bước kiện toàn đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo yêu cầu hiện nay.

Việc tự đánh giá chất lượng trường học còn thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phạm vi tự đánh giá : Bao quát toàn bộ các hoạt động giáo dục của nhà trường theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của trường mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành.

## **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Nhà trường đã tổ chức triển khai công tác tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá trường mầm non; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Nhà trường tiến hành thành lập Hội đồng tự đánh giá để xác định mục đích, phạm vi và xây dựng kế hoạch tự đánh giá. Thành lập các nhóm để thu thập, xử lý, phân tích các thông tin minh chứng để đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí. Trên cơ sở đó, Hội đồng tự đánh giá viết và công bố báo cáo tự đánh giá.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện đúng quy trình do Bộ GD&ĐT hướng dẫn theo 7 bước cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá: Hội đồng tự đánh giá thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-MNVH ngày 18/02/2025 gồm 11 thành viên, trong đó Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, Phó hiệu trưởng làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Thư ký Hội đồng, các uỷ viên của Hội đồng tự đánh giá là các Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn, Tổ trưởng văn phòng và trưởng các tổ chức đoàn thể, giáo viên trong nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 42/KH-MNVH ngày 20/02/2025. Kế hoạch xác định cụ thể mục đích và phạm vi tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, dự kiến các nguồn nhân lực



và thời điểm cần huy động; công cụ đánh giá, dự kiến các thông tin và minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí; lập thời gian biểu cho từng hoạt động theo các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT.

- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng: Nhà trường phân công các nhóm tiến hành thu thập thông tin và minh chứng; các thông tin và minh chứng đều có nguồn gốc rõ ràng và tính chính xác, được thu thập ở hồ sơ lưu trữ của nhà trường và các cơ quan, ban ngành có liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các thông tin và minh chứng được xử lý, phân tích dùng làm căn cứ, minh họa cho các nhận định trong Báo cáo tự đánh giá của nhà trường.

- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: Mỗi tiêu chí được trình bày đầy đủ các nội dung: mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng và tự đánh giá theo từng tiêu chí được tập hợp thành Báo cáo tự đánh giá của nhà trường.

- Viết Báo cáo tự đánh giá: Căn cứ nội dung cơ bản của các phiếu đánh giá tiêu chí đã được thông qua Hội đồng tự đánh giá để nhóm thư ký viết dự thảo Báo cáo tự đánh giá. Tổ chức lấy ý kiến góp ý của CBQL, GV, NV nhà trường để hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá.

- Công bố Báo cáo tự đánh giá: Sau khi hoàn thành dự thảo Báo cáo tự đánh giá, nhà trường tổ chức công khai tại đơn vị để lấy ý kiến đóng góp của CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ. Hội đồng tự đánh giá thu thập và xử lý các ý kiến để hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá. Công bố công khai Báo cáo tự đánh giá và lưu trữ các thông tin, minh chứng trong suốt chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục.

- Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành Báo cáo tự đánh giá: Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong Báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, cập nhật, bổ sung Báo cáo tự đánh giá và lưu trữ tại nhà trường.

Khi thực hiện Báo cáo tự đánh giá, để đảm bảo tính khách quan, chính xác, trung thực, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của các chỉ báo; sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá về chất lượng giáo dục của nhà trường như: máy vi tính có kết nối với internet, tài liệu nghiên cứu, các thông tư, hướng dẫn của Bộ, Sở, Phòng GD&ĐT để khai thác thông tin, minh chứng,... và viết Báo cáo tự đánh giá.

Tự đánh giá là quá trình mô tả, phân tích, đánh giá hiện trạng của nhà trường theo nội hàm của từng chỉ báo của tiêu chí, thấy được những điểm mạnh nổi bật, điểm yếu của nhà trường trong việc đáp ứng các yêu cầu và điều kiện của từng chỉ báo trong mỗi tiêu chí. Từ đó, nhà trường có kế hoạch cụ thể và thực tế mang tính khả thi cho việc cải tiến chất lượng giáo dục.

Dựa vào kết quả tự đánh giá, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và có các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT. Đồng thời qua đó, nhà trường tăng cường nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV đẩy mạnh công tác tuyên truyền về kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Để đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều biện pháp như: Khảo sát thực tế, sưu tầm thông tin minh chứng, so sánh, đối chiếu... Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu và tìm biện pháp để khắc phục những điểm yếu nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Qua hoạt động tự đánh giá sẽ giúp nhà trường luôn giữ vững chất lượng giáo dục toàn diện, tạo được niềm tin cho cha mẹ trẻ, hoạch định được chiến lược phát triển trong những năm tiếp theo.

Dựa trên bộ Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non, nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục trên tất cả các mặt hoạt động. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường như sau:

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ 3**

#### **Tiêu chuẩn 1- Tổ chức và quản lý nhà trường**

##### **Mở đầu**

Để quyết định sự phát triển của một nhà trường cần thực hiện tốt công tác tổ chức và quản lý, yêu cầu nhà trường phải có một phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác; bộ máy cơ cấu tổ chức của nhà trường được đảm bảo đầy đủ về số lượng và đồng bộ về chất lượng, Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập và hoạt động theo đúng quy định. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và số trẻ trên các lớp của trường được sắp xếp số lượng hợp lý, phân chia độ tuổi đúng theo quy định Điều lệ trường mầm non. Công tác quản lý hành chính và sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường được thực hiện đúng mục đích, có hiệu quả, theo đúng quy định của Nhà nước. CBQL, GV, NV nhà trường được bồi dưỡng thường xuyên và được sự phân công sử dụng hợp lý, đảm bảo hiệu quả. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương. Nhà trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ, chú trọng công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học.

#### ***Tiêu chí 1.1- Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

##### **Mức 1:**

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục,*

*định hướng phát triển kinh tế- xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng các hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

*Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

Trường Mầm non Vĩnh Hòa xây dựng Kế hoạch số 236/KH-MNVH ngày 11/11/2020 về kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Nha Trang và các nguồn lực về điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ và cha mẹ trẻ của nhà trường phù hợp; theo đó, đến thời điểm hiện tại, năm học 2024-2025 các chỉ tiêu đặt ra về huy động trẻ đạt: 100% về phát triển đội ngũ: đạt 100%, về điều kiện phát triển cơ sở vật chất đạt: 100% cho thấy Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường đáp ứng mục tiêu theo từng giai đoạn định hướng phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02];

Kế hoạch số 236/KH-MNVH ngày 11/11/2020 được Phòng GD&ĐT Nha Trang phê duyệt. Kế hoạch số 236/KH-MNVH được công khai đến CBQL, GV, NV và cha mẹ trẻ, các tổ chức, đoàn thể và cộng đồng bằng hình thức niêm yết tại bản tin và trên cổng thông tin điện tử mnvhhoa-nt@khanhhoa.edu.vn của trường [1.1-04]; [H1-1.1-05]

*Mức 2:*

Nhà trường thường xuyên giám sát việc thực hiện Kế hoạch số 236/KH-MNVH và đề ra giải pháp rà soát các chỉ tiêu trong kế hoạch chiến lược hằng năm, chú trọng các chỉ tiêu phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục; ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; tổ chức có hiệu quả các hoạt

động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, nâng cao kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích và phòng chống bệnh dịch; tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường-gia đình-xã hội, các hoạt động giao lưu học tập thông qua việc rà soát kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược hằng năm [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08];

### Mức 3:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 236/KH-MNVH, trong quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu đều có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và các đoàn thể địa phương. Tuy nhiên chiến lược phát triển nhà trường ít nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ [H1-1.1-08].

## 2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được xây dựng phù hợp với các nguồn lực, nhân lực, tài chính, điều kiện thực tế phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Nha Trang và mang lại kết quả về mọi mặt như: Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục; ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; tổ chức có hiệu quả các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống, nâng cao kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích và phòng chống bệnh dịch; tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường-gia đình-xã hội, các hoạt động giao lưu học tập.

## 3. Điểm yếu

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường ít nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy tối đa các nguồn lực của nhà trường để cụ thể hóa, thực hiện hiệu quả, vượt chỉ tiêu các tiêu chí đặt ra tại Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025; đồng thời huy động tối đa sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ trong việc xây dựng chiến lược và phát triển nhà trường; tăng cường công tác tuyên truyền, đa dạng các hình thức công khai: các cuộc họp cha mẹ trẻ, qua bảng tin, website của trường... để thu thập nhiều ý kiến góp ý của cha mẹ trẻ về kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

- Nhân lực thực hiện: Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV trong nhà trường, cha mẹ trẻ, đại diện địa phương.

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

### *Tiêu chí 1.2- Hội đồng trường và các hội đồng khác*

### Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hội đồng trường Trường Mầm non Vĩnh Hòa được thành lập theo Quyết định số 122/QĐ-GDĐT ngày 22/4/2021 của phòng GD&ĐT Nha Trang và được kiện toàn hằng năm theo Quyết định số 435/QĐ-GDĐT ngày 03/12/2021, Quyết định số 149/QĐ-GDĐT ngày 14/02/2023, Quyết định số 1632/QĐ-GDĐT ngày 19/12/2023 Quyết định số 63/QĐ-GDĐT ngày 09/01/2025 được phòng GD&ĐT Nha Trang phê duyệt. Các Hội đồng khác như Hội đồng thi đua, khen thưởng; hội đồng tư vấn (Hội đồng xét duyệt sáng kiến; hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi; hội đồng xét nâng lương, nâng phụ cấp thâm niên; hội đồng tuyển sinh...) được Hiệu trưởng thành lập theo quy định tại Điều lệ trường mầm non giúp Hiệu trưởng về chuyên môn và quản lý nhà trường [H1-1.2-01];

Hằng năm, Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04];

Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác trong trường được rà soát, đánh giá định kỳ theo học kỳ, năm học và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho thời gian tới [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động tích cực, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường, cụ thể: Tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố năm 2022-2023 đạt 2/2 giáo viên; năm 2024-2025 đạt 2/2 giáo viên. Hội thi xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm cấp thành phố năm học 2023-2024 đạt Tốt; năm học 2023-2024 cùng cụm chuyên môn số 1 tham gia hội thi Bé với tiếng Anh cấp thành phố đạt giải nhất phần thi rung chuông vàng, đạt 2 giải Ba phần thi giới thiệu và phần thi tiếp sức; nhiều năm liên được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Bằng khen. Tuy nhiên, Hội đồng xét duyệt sáng kiến thực hiện triển khai nhân rộng, các sáng kiến của nhà trường đã được cấp trên công nhận đến CBQL, GV, NV nhằm nâng cao chất lượng công tác NDCSGD trẻ chưa đạt hiệu quả cao và chưa phong phú trong các hình thức truyền thông [H1-1.2-06].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường; nhiều năm liên được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc và được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Bằng khen.

### **3. Điểm yếu**

Một số sáng kiến đã được Hội đồng đánh giá và công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến chưa được hội đồng sáng kiến của nhà trường phổ biến, áp dụng rộng rãi nhằm nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ, công tác truyền thông còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Các thành viên Hội đồng trường cần nâng cao trách nhiệm trong việc giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường. Thường xuyên duy trì hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác nhằm góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. củng cố cơ cấu tổ chức trong các hội đồng của nhà trường, bổ sung kịp thời những thành viên khi có sự thay đổi. Bồi dưỡng năng lực, kỹ năng giám sát, thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hội đồng sáng kiến công bố kịp thời những sáng kiến đã được thẩm định có chất lượng trong nhà trường thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, website của nhà trường...để áp dụng, nhân rộng những sáng kiến có giải pháp đổi mới, sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Nhân lực thực hiện: Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV, NV của trường.

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

***Tiêu chí 1.3- Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

*Mức 1:*

*a) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà*

*trường và cộng đồng.*

*Mức 3:*

*a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 2 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

Công đoàn cơ sở Trường Mầm non Vĩnh Hòa trực thuộc trực thuộc Liên đoàn lao động thành phố Nha Trang, có 37 công đoàn viên; Ban chấp hành công đoàn có 03 thành viên, trong đó có Chủ tịch và 02 ủy viên. Chi đoàn TNCSHCM Trường Mầm non Vĩnh Hòa giải thể năm 2022 theo Quyết định số 27-QĐ/ĐTN ngày 30/5/2022 [H1-1.3-01];

Công đoàn cơ sở hoạt động theo phương hướng và quy chế được thông qua Đại hội nhiệm kỳ 2017 - 2023 và nhiệm kỳ 2023 - 2028 hoạt động theo phương hướng và quy chế được thông qua Đại hội, phối hợp tổ chức Hội nghị viên chức người lao động, xây dựng chương trình hoạt động cụ thể hằng năm [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03];

Hằng năm, các hoạt động của Công đoàn cơ sở, được rà soát, đánh giá kết quả hoạt động nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của các tổ chức, của nhà trường, của địa phương và các văn bản chỉ đạo cấp trên [H1-1.3-04].

*Mức 2:*

Chi bộ Trường Mầm non Vĩnh Hòa là chi bộ độc lập, trực thuộc Đảng bộ phường Vĩnh Hòa có 19 đảng viên chính thức; cấp ủy chi bộ có 03 đồng chí, trong đó có Bí thư, 01 Phó Bí thư và 01 chi ủy viên; được hoạt động theo quy chế làm việc và nghị quyết đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025 và nhiệm kỳ 2025-2027. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó năm 2022 Chi bộ được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giai đoạn 2020-2023 chi bộ được được đảng ủy phường Vĩnh Hòa tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác phát triển đảng [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07];

Công đoàn cơ sở đã phối hợp cùng chính quyền nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục tư tưởng chính trị, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng cho người lao động; tham gia quản lý, tổ chức thực hiện phong trào thi đua, các cuộc vận động trong nhà trường cũng như do các ban ngành tổ chức, đặc biệt đã thăm hỏi, động viên kịp thời các đoàn viên khi gặp khó khăn, hoạn nạn; phát động cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tích cực ủng hộ các loại quỹ như quỹ vì người nghèo, quỹ trẻ em, quỹ chất độc màu da cam, quỹ bão lụt..., tham gia

hiến máu nhân đạo, phát động các buổi lao động tạo môi trường xanh sạch đẹp. Xây dựng khối đoàn kết nội bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Công đoàn được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng biểu dương năm học 2022-2023 và Liên đoàn Lao động thành phố Nha Trang tặng giấy khen năm học 2023-2024 [H1-1.3-04].

### Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó năm 2022 Chi bộ được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giai đoạn 2020-2023 chi bộ được được đảng ủy phường tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác phát triển đảng [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07];

Công đoàn cơ sở đã đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường. Ngoài ra, còn đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động của địa phương và cộng đồng như: Vận động các công đoàn viên tham gia tích cực ủng hộ các loại quỹ như quỹ vì người nghèo, quỹ trẻ em, quỹ chất độc màu da cam, quỹ bão lụt... do các cấp phát động. Bên cạnh đó, công đoàn còn phát động các công đoàn viên tham gia hiến máu nhân đạo 4 đợt/năm với khoảng 15 người/năm, tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ giáo dục của địa phương, tổ chức tết Trung thu, ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6 với các hoạt động vui chơi thiết thực bổ ích, Công đoàn được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng biểu dương năm học 2022-2023 và Liên đoàn Lao động thành phố Nha Trang tặng giấy khen năm học 2023-2024. Tuy nhiên Công đoàn chưa có nhiều phong trào trường giúp trường, các hoạt động thiện nguyện [H1-1.3-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có Chi bộ độc lập, số đảng viên chiếm trên 51%, Chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó năm 2022 Chi bộ được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được khen về công tác phát triển đảng giai đoạn 2020-2023. Công đoàn hoạt động đúng quy định và đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Công đoàn chưa có nhiều phong trào trường giúp trường, các hoạt động thiện nguyện.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cấp ủy tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Chi bộ nhằm lãnh đạo nhà trường, Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy tính năng động, sáng tạo trong việc thực hiện chương trình hành động của Công đoàn nhằm giúp nhà trường hoạt động hiệu quả.

Hiệu trưởng nhà trường tạo điều kiện về thời gian cho công đoàn viên tham gia các hoạt động phong trào đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như phong trào trường giúp trường, hoạt động thiện nguyện, tích cực



tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào, hội thi do các cấp quản lý có thẩm quyền tổ chức.

- Nhân lực thực hiện: Chi bộ, Công đoàn cơ sở.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

### ***Tiêu chí 1.4- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

#### ***Mức 1:***

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

#### ***Mức 2:***

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

#### ***Mức 3:***

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục trẻ.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

Nhà trường có Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư số 33/2005 của Bộ GD&ĐT. Hiệu trưởng được điều động, thay đổi vị trí việc làm đối với cán bộ quản lý năm 2021 theo Quyết định số 1290/QĐ-GDĐT, ngày 26/8/2021 của Phòng GD&ĐT Nha Trang và 02 Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại Quyết định số 591/QĐ-GDĐT, ngày 20/4/2021; Quyết định số 635/QĐ-GDĐT, ngày 10/5/2022 của Phòng GD&ĐT Nha Trang. Tháng 12/2024 có 01 phó Hiệu trưởng nghỉ hưu, tuy nhiên đang trong giai đoạn sắp nhập nên chưa bổ nhiệm, điều động người thay thế [H1-1.4-01];

Trường có 03 tổ (02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng) cụ thể: tổ chuyên môn Nhà trẻ và Mẫu giáo 3-4 tuổi có 11 thành viên; tổ chuyên môn Mẫu giáo 4-6 tuổi có 16 thành viên; tổ chuyên môn Mẫu giáo 5-6 tuổi có 10 thành viên và tổ văn phòng có 07 thành viên. Hằng năm, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập, các tổ đều có tổ trưởng và tổ phó [H1-1.4-02];

Các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với chức năng nhiệm vụ của tổ. Tổ chuyên môn sinh hoạt 02 tuần/lần, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Tổ văn phòng căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ, sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên theo hướng dẫn xếp loại viên chức, người lao động; giúp Hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-03];[H1-1.4-04].

#### Mức 2:

Hàng năm, các tổ chuyên môn đề xuất thực hiện 02 chuyên đề nâng cao chất lượng như: Năm học 2021 – 2022: Nhà trẻ và Mẫu giáo 3-4 tuổi “chuyên đề phát triển Kỹ năng xã hội và thẩm mỹ cho trẻ”. Kết quả: 100% đạt Tốt; Tổ 4-5 tuổi “chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm thông qua hoạt động làm quen với toán”. Kết quả: 100% đạt Tốt; Tổ 5-6 tuổi “Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ”. Kết quả: 100% đạt Tốt. Năm học 2022-2023: Nhà trẻ và Mẫu giáo 3-4 tuổi “chuyên đề phát triển ngôn ngữ”. Kết quả: 100% đạt Tốt; tổ Mẫu giáo 4-6 tuổi: “chuyên đề Làm quen chữ Cái cho trẻ mầm non”. Kết quả: 100% đạt Tốt. Năm học 2023-2024: Nhà trẻ và Mẫu giáo 3-4 tuổi: “chuyên đề phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ cho trẻ”. Kết quả: 100% đạt Tốt; tổ Mẫu giáo 4-6 tuổi: chuyên đề Làm quen chữ Cái cho trẻ 4-6 tuổi. Kết quả: 100% đạt Tốt; các chuyên đề mang lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động giáo dục của nhà trường, hàng năm đều có tổ chuyên môn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06];[H1-1.4-07]

Hoạt động của tổ chuyên môn được rà soát, đánh giá thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/lần; tổ văn phòng được rà soát, đánh giá thông qua các buổi sinh hoạt tổ. Tuy nhiên tổ văn phòng trong sinh hoạt tổ các thành viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến [H1-1.4-08].

#### Mức 3:

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng dựa vào phương hướng nhiệm vụ năm học và có nhiều biện pháp, giải pháp đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chuyên môn xây kế hoạch hoạt động và thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, tham gia đánh giá, xếp loại GV; đề xuất khen thưởng, Tổ văn phòng thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, dinh dưỡng; giúp Hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo

kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09];

Hàng năm, các chuyên đề nâng cao chất lượng như: chuyên đề “Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ”; chuyên đề “chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm thông qua hoạt động làm quen với toán” chuyên đề “chuyên đề phát triển Kỹ năng xã hội và thẩm mỹ cho trẻ”; chuyên đề “giáo dục tích hợp theo tiếp cận Stem/Steam”; chuyên đề “chuyên đề phát triển ngôn ngữ” “chuyên đề Làm quen chữ Cái cho trẻ mầm non”... đã đóng góp có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của trường [H1-1.4-09].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (từ đầu năm học đến tháng 12/2024); các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện tốt các chuyên đề nhằm đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ toàn diện.

## **3. Điểm yếu**

Tổ văn phòng trong sinh hoạt tổ các thành viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì chất lượng hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên như: Tạo điều kiện cho giáo viên tham quan học tập trường bạn, sinh hoạt chuyên môn trao đổi cùng đồng nghiệp để học hỏi lẫn nhau và áp dụng vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề. Đổi mới hình thức sinh hoạt tổ, chú trọng trao đổi thảo luận về: Đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động, thảo luận nội dung Chương trình GDMN nhằm phát huy khả năng linh hoạt sáng tạo của các thành viên trong tổ.

Hiệu trưởng đề xuất lãnh đạo bổ nhiệm, điều động 01 Phó Hiệu trưởng sau sắp nhập đơn vị hành chính, chỉ đạo cho tổ văn phòng có kế hoạch rà soát, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên cụ thể và đưa hình thức sinh hoạt tổ phong phú hơn.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng.

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

### ***Tiêu chí 1.5- Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

*Mức 1:*

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi là 105/105 trẻ/3 lớp, tỉ lệ 100% theo đúng kế hoạch được giao [H1-1.5-01];

Trường có 10 nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi, cụ thể: 01 nhóm 18-24 tháng, 01 nhóm 25-36 tháng, 03 lớp 3-4 tuổi, 02 lớp 4-5 tuổi, 03 lớp 5-6 tuổi; trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02]; [1.5-03];

Trong đó, trường có 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-04].

Mức 2:

Năm học 2024-2025 chỉ tiêu thành phố giao 292 trẻ (do nhu cầu gửi trẻ của phụ huynh hiện tại 299 trẻ, nhà trường đã huy động đạt và vượt chỉ tiêu giao) được phân chia thành 10 nhóm/lớp cơ bản đúng độ tuổi, trong đó có 51 trẻ/02 nhóm và 248 trẻ/8 lớp mẫu giáo. Số trẻ trong các nhóm trẻ và 2 lớp 4-5 tuổi có vượt so với số lượng theo quy định. Nhà trẻ bình quân trẻ trên lớp là 25,5 trẻ/nhóm (51/2). Số trẻ ở các lớp mẫu giáo bình quân là 31 trẻ/lớp (248/8). Tuy nhiên số lượng trẻ ở một số lớp mẫu giáo chưa cân đối cụ thể: Lớp 3-4 tuổi C: 23 trẻ, 2 lớp 4-5 tuổi: 70 trẻ [H1-1.5-02]; [1.5-03]; [H1-1.5-04].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tuyển sinh trẻ em 5 tuổi đạt tỉ lệ 100%. Nhà trường có 10 nhóm/lớp gồm 02 nhóm trẻ và 08 lớp mẫu giáo. Tất cả các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đều được tổ chức học bán trú, được phân chia theo độ tuổi đúng theo Điều lệ trường mầm non và không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

### **3. Điểm yếu**

Số lượng trẻ ở một số lớp mẫu giáo chưa cân đối cụ thể : Lớp 3-4 tuổi C: 23 trẻ, 2 lớp 4-5 tuổi: 70 trẻ.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các bộ phận có liên quan nhằm duy trì đảm bảo huy động tối đa trẻ ra lớp, đặc biệt là đạt chỉ tiêu tuyển sinh; duy trì trẻ 5 tuổi ra lớp hoàn thành PCGDMNT5T đạt 100%; đảm bảo nhóm trẻ và số lớp mẫu giáo có đủ các độ tuổi, 100% trẻ học 2 buổi/ngày.

Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm học với số lượng tuyển sinh các độ tuổi phù hợp với từng nhóm, lớp mẫu giáo theo đúng độ tuổi được quy định tại Điều lệ trường mầm non; trong đó, chú trọng phân chia tỷ lệ trẻ ở các lớp mẫu giáo cân đối hài hòa giữa các độ tuổi.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, GV.
- Thời gian thực hiện từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.6- Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

#### ***Mức 1:***

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

#### ***Mức 2:***

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

#### ***Mức 3:***

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ sổ sách theo quy định theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; đảm bảo việc lập hồ sơ và lưu trữ hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật Lưu trữ; Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ GD&ĐT quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục [1.6-01];

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Bộ tài chính, của Bộ GD&ĐT. Thực hiện công khai tài chính thông qua các cuộc họp hội đồng công khai ở bảng công khai nhà trường; tự kiểm tra tài chính, tài sản theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế, các quy định hiện hành và được thông qua Hội nghị viên chức và người lao động nên hằng năm có thu nhập tăng thêm cho CBQL, GV, NV [1.6-02]; [1.6-03]; [1.6-04];

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích quy định, phục vụ các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả. Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê, rà soát đánh giá chất lượng tài sản, cơ sở vật chất và giá trị của từng loại tài sản. Có kế hoạch bổ sung, sửa chữa kịp thời nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [1.6-04]; [H1-1.6-05].

#### Mức 2:

Nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản như: Hệ thống quản trị nhà trường, phần mềm Misa về quản lý tài chính, tài sản, thiết bị dạy học, phần mềm quản lý hệ thống văn bản điện tử E-Office để trao đổi văn bản, phần mềm quản trị trường mầm non Viettec quản lý kế hoạch giáo dục và tính khẩu phần ăn bán trú cho trẻ đảm bảo cân đối chất dinh dưỡng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [1.6-06];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [1.6-07].

#### Mức 3:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục hàng năm để huy động tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Tuy nhiên chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp (Xã hội hóa), phù hợp điều kiện của nhà trường và địa phương [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. Thực hiện công khai các khoản thu, chi định kỳ. Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không xảy ra trường hợp vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản của đơn vị.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp (Xã hội hóa), phù hợp điều kiện của nhà trường và địa phương

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đạt được trong việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán nghiên cứu xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn kinh phí hợp pháp phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, GV, NV.

- Thời gian thực hiện từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 1.7 - Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

#### ***Mức 1:***

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo quyền theo quy định.*

#### ***Mức 2:***

*Có biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV theo từng năm học, cụ thể: Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL, GV, NV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức [H1-1.7-01];

Nhà trường phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, theo vị trí việc làm, phù hợp năng lực, sở trường của mỗi cá nhân nhằm tổ chức hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03];

CBQL, GV, NV được hưởng đầy đủ quyền lợi theo quy định: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ NDCSGD trẻ em; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [1.6-04]; [H1-1.7-01].

#### **Mức 2:**

Nhà trường đã ban hành quy chế thi đua, khen thưởng cụ thể rõ ràng, quán

triệt tất cả CBQL, GV, NV thực hiện tốt nội quy của trường, quy chế của ngành; đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, động viên CBQL, GV, NV tham gia các lớp học nâng chuẩn; đề ra các biện pháp cụ thể như học bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn của tổ, đổi mới phương pháp giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm để phát huy năng lực chuyên môn của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV đôi khi chưa kịp thời với kế hoạch đã đề ra [H1-1.2-04];[H1-1.7-01]; [H1-1.7-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý GV và NV, có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ. Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, phù hợp với điều kiện năng lực của từng người, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện cho đội ngũ phát huy năng lực của bản thân, vì vậy CBQL, GV, NV đều có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý và năng lực sư phạm.

## **3. Điểm yếu**

Việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV đôi khi chưa kịp thời với kế hoạch đã đề ra.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng, triển khai các biện pháp cụ thể để phát huy năng lực qua các buổi tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV nhằm phát huy năng lực của từng thành viên trong nhà trường.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV, NV.
- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 1.8- Quản lý các hoạt động giáo dục***

#### ***Mức 1:***

- a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

#### ***Mức 2:***

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*



## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1:**

Hằng năm, Hội đồng trường ban hành Nghị quyết phê duyệt Chương trình của nhà trường phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục và kết quả mong đợi của từng độ tuổi được quy định trong Chương trình GDMN theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 do Bộ GD&ĐT ban hành về Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế với địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01];

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, GV xây dựng kế hoạch theo chủ đề tháng, tuần, ngày đầy đủ đúng theo quy định và thực hiện đúng chế độ sinh hoạt hằng ngày của trẻ [H1-1.8-01];

Thông qua kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học, kiểm tra chuyên môn, các buổi họp chuyên môn, nhà trường tiến hành đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp, kịp thời [H1-1.7-04]; [H1-1.8-02].

### **Mức 2:**

Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Y tế thành phố Nha Trang kiểm tra, đánh giá đạt hiệu quả, cụ thể: Thực hiện tốt công tác chuyên môn, công tác bán trú, công tác y tế trường học, xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ, để đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, một số giáo viên còn lúng túng trong việc thiết kế hoạt động theo hướng trải nghiệm lấy trẻ làm trung tâm [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục. Cuối mỗi chủ đề, mỗi tháng nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời. Có các biện pháp chỉ đạo, bồi dưỡng giáo viên thiết kế hoạt động giáo dục, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

## **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên còn lúng túng trong việc thiết kế hoạt động theo hướng trải nghiệm lấy trẻ làm trung tâm.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục tăng cường bồi dưỡng giáo viên thiết kế hoạt động giáo dục, dự giờ, kiểm tra, đánh giá các hoạt động theo hướng trải nghiệm lấy trẻ làm trung tâm.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, GV.

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 1.9- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

#### **Mức 1:**

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

#### **Mức 2:**

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, quy chế đối thoại định kỳ cũng như xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Quy chế làm việc theo đó, quy chế nêu rõ trách nhiệm từng thành viên trong nhà trường, trách nhiệm và quyền lợi của người dạy và người học. Thông qua Hội nghị viên chức và người lao động, CBQL, GV, NV tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trước khi ban hành kế hoạch, quy chế liên quan đến hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02];

Cán bộ, viên chức và người lao động luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Một số kiến nghị, phản ánh của GV, NV thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật, đúng quy định [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04];

Kết thúc năm học, nhà trường báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ trước hội đồng nhà trường theo yêu cầu tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H1-1.9-04].

#### **Mức 2:**

Nhà trường thực hiện chặt chẽ cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch thông qua việc công khai thực hiện chế độ, chính sách, đảm bảo quyền lợi của người lao động; trong thi đua khen thưởng; toàn bộ các khoản thu, chi trong nhà trường cho cán bộ. Bên cạnh đó, Ban thanh tra nhân dân và Ban kiểm tra nội bộ nhà trường tổ chức kiểm tra, giám

sát các hoạt động của nhà trường để đảm bảo công bằng, đúng quy định pháp luật, phát huy tối đa quyền làm chủ của các thành viên trong trường. Tuy nhiên, một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến khi tham gia xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế của nhà trường[H1-1.7-04]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của cơ quan đơn vị. CBQL, GV, NV được thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Nhà trường không xảy ra các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ. Hằng năm nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ, có biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

## **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến khi tham gia xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế của nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường phối hợp với Công đoàn tuyên truyền trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, hợp tác, tạo điều kiện để tất cả CB, GV, NV tham gia ý kiến đóng góp cho các kế hoạch, nội quy, quy chế và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV, NV.
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 5 năm 2025 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 1.10- Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

#### ***Mức 1:***

*a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

#### ***Mức 2:***

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn*

*phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1:**

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường; phương án phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án phòng, chống cháy, nổ; kế hoạch phòng, chống thảm họa, thiên tai tìm kiếm cứu nạn; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Đầu năm học, nhà trường đã thực hiện cam kết bếp ăn đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05];

Nhà trường có hộp thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của cha mẹ trẻ và người dân; công khai số điện thoại, email, zalo của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng để tiện cho việc trao đổi, tiếp nhận các thông tin của cha mẹ trẻ liên quan đến các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường [1.10-06];

Trong thời gian qua, nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, không có tình trạng bạo hành trẻ em xảy ra hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-01].

### **Mức 2:**

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn CBQL, GV, NV và trẻ thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp hội đồng; lồng ghép giáo dục trẻ các nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, cách phòng và tránh xa những nơi nguy hiểm, cách phòng bệnh đơn giản phù hợp với lứa tuổi trong các hoạt động trong ngày. Tuy nhiên, công tác tập huấn phòng chống cháy nổ cho CBQL, GV, NV của trường chưa được thực hiện thường xuyên [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08];

Thông qua kiểm tra dự giờ, thăm lớp, các kênh thông tin từ GV, cha mẹ trẻ, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự để đưa ra biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-08].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện đầy đủ các kế hoạch về đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực học đường CBQL, GV, NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn, thương tích. Được tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy do công an thành phố Nha Trang phối hợp tổ chức. Trong 5 năm vừa qua không có tình trạng ngộ độc thực phẩm, bạo lực học đường xảy ra. CBQL, GV, NV, trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần. Tất cả các trẻ em đều được đối xử công bằng, được chăm sóc giáo dục chu đáo.

### **3. Điểm yếu**

Công tác tập huấn phòng chống cháy nổ cho CBQL, GV, NV của trường chưa được thực hiện thường xuyên.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì tốt phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; duy trì hộp thư góp ý... Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Nha Trang mở lớp tập huấn kỹ năng phòng cháy chữa cháy cho CBQL, GV, NV từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của trường.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV, NV.
- Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách chi thường xuyên.
- Thời gian thực hiện: từ tháng 5 năm 2025 và những năm học tiếp theo.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### ***Kết luận Tiêu chuẩn 1***

Trường Mầm non Vĩnh Hòa là trường công lập, cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường tương đối đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, các tổ được phân chia theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Có tổ chức Công đoàn cơ sở trong nhà trường. Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập và thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn đúng theo quy định. Có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu của giáo dục, định hướng phát triển của địa phương theo từng giai đoạn và nguồn lực của nhà trường. Nhà trường đã lưu trữ đầy đủ và khoa học các loại hồ sơ sổ sách, văn bản theo quy định. Nhà trường thực hiện đúng quy định về sử dụng tài chính, tài sản. Quy chế dân chủ cơ sở được nhà trường báo cáo hằng năm. Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng, chống các tai nạn xã hội và phòng chống, bạo lực trong nhà trường. Trong những năm qua nhà trường không có ngộ độc thực phẩm xảy ra.

Tuy nhiên, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường ít nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ. Một số sáng kiến đã được Hội đồng đánh giá và công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến chưa được hội đồng sáng kiến của nhà trường phổ biến, áp dụng rộng rãi nhằm nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ, công tác truyền thông còn hạn chế. Công đoàn chưa có nhiều phong trào trường giúp trường, các hoạt động thiện nguyện. Tổ văn phòng trong sinh hoạt tổ các thành viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến. Số lượng trẻ giữa các lớp mẫu giáo chưa cân đối. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp (xã hội hóa), phù hợp điều kiện của nhà trường và địa phương. Việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV đôi khi chưa kịp thời với kế hoạch đã đề ra. Một số giáo viên còn lúng túng trong việc thiết kế hoạt động theo hướng trải nghiệm lấy trẻ làm trung tâm. Một số ít giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến khi tham gia xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế của nhà trường. Công tác tập huấn phòng chống cháy nổ cho CBQL, GV, NV của trường chưa được thực hiện thường xuyên.

Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt

- + Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí - tỷ lệ 100%;
- + Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí - tỷ lệ 100%;
- + Đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí, đạt tỷ lệ 50%; không đạt: 2/4 tiêu chí, tỷ lệ 50%.

## **Tiêu chuẩn 2 - Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

### **Mở đầu**

Toàn trường có tổng số CBQL, GV, NV là 37 người, trong đó có 03 CBQL, 21 GV và 13 NV. Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đạt các yêu cầu tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực để thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực tổ chức quản lý nhà trường đáp ứng kịp thời xu hướng đổi mới của nền giáo dục hiện nay. GV của nhà trường đạt các yêu cầu về trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ trường mầm non, thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường theo quy định, thực hiện nghiêm túc việc tự bồi dưỡng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục trẻ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục trẻ vào thực tế. NV có trình độ đạt chuẩn theo quy định. CBQL, GV, NV của nhà trường được đảm bảo các điều kiện, hưởng mọi quyền lợi theo quy định của pháp luật. Tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề đáp ứng yêu cầu của xã hội về giáo dục mầm non.

Tập thể CBQL, GV, NV nhà trường đoàn kết, nhất trí trong các hoạt động. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với phụ huynh và chính quyền địa phương. Đây chính là yếu tố quan trọng tạo nên môi trường giáo dục tốt. Nhiều năm liên trường đã đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, lao động xuất sắc.

Được nhận Bằng khen của các cấp, các ngành. Hằng năm, có nhiều CBQL, GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được Chủ tịch tỉnh Khánh Hòa tặng Bằng khen.

### ***Tiêu chí 2.1 - Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng***

*Mức 1:*

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

*Mức 2:*

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

*Mức 3:*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

Hiệu trưởng có trình độ Đại học Sư phạm mầm non, Trung cấp lý luận chính trị, cử nhân quản lý giáo dục, Chứng chỉ ANQP đối tượng 4, Chứng chỉ tin học trình độ cơ bản, Chứng chỉ B ngoại ngữ; cả 02 Phó Hiệu trưởng đều có trình độ Đại học Sư phạm mầm non, Trung cấp lý luận chính trị, Chứng chỉ quản lý giáo dục, Chứng chỉ ANQP đối tượng 4, Chứng chỉ tin học trình độ cơ bản, Chứng chỉ B ngoại ngữ. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được tập thể đánh giá có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng và năng lực tổ chức quản lý nhà trường, tạo sự đồng thuận, đoàn kết trong nội bộ nhà trường. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đảm bảo đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ quản lý giáo dục mầm non. Hiệu trưởng được chủ tịch UBND phường Vĩnh Hòa tặng giấy khen có thành tích tiêu biểu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2023. Một Phó Hiệu trưởng đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng giấy khen, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen [2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03];

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng đạt từ mức khá trở lên [H2-2.1-04];

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục hằng năm do các cấp tổ chức như: Lớp Bồi dưỡng thường xuyên, lớp Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp do Phòng GD&ĐT phối hợp với Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang tổ chức [2.1-05].

*Mức 2:*

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng có 05 xếp loại khá (năm học: 2019 – 2020; năm học: 2020 – 2021; năm học: 2021 - 2022; năm học: 2022 - 2023; năm học: 2023 - 2024); Phó Hiệu trưởng thứ nhất có 05 năm xếp loại khá (năm học: 2019 – 2020; năm học: 2020 – 2021; năm học: 2021 - 2022; năm học: 2022 - 2023; năm học: 2023 - 2024); Phó Hiệu trưởng thứ hai có 04 năm xếp loại khá (năm học: 2020 – 2021; năm học: 2021 - 2022; năm học: 2022 - 2023; năm học: 2023 - 2024) [H2-2.1-04];

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đã tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định như: lớp Trung cấp lý luận chính trị, các đợt bồi dưỡng chính trị hệ; các lớp học về các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy); Bên cạnh đó, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng luôn tạo sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể, có năng lực quản lý, điều hành hiệu quả và luôn giữ gìn đại đức, lối sống chuẩn mực, từ đó nhận được sự tín nhiệm cao sự ủng hộ nhiệt tình của đội ngũ GV, NV [2.1-05]; [H2-2.1-06]; [H2-2.1-07].

### Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn đạt mức khá; Tuy nhiên Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt [H2-2.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng công tác nhiều năm, liên tục trong ngành giáo dục mầm non, có trình độ đào tạo trên chuẩn, có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức quản lý nhà trường; tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, có năng lực chỉ đạo, điều hành hiệu quả các hoạt động nhà trường; có uy tín cao, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, được mọi người tín nhiệm, yêu mến. Được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng hàng năm đạt mức khá.

## **3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục tự nghiên cứu học tập, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục để nâng cao năng lực tổ chức, quản lý để điều hành nhà trường đạt kết quả ngày một tốt hơn, phấn đấu nâng mức đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt mức tốt trong những năm tiếp theo.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 2.2 - Đối với giáo viên***



**Mức 1:**

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

**Mức 2:**

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**Mức 3:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt, đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng****Mức 1:**

Nhà trường có 21 GV được phân công hợp lý, đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định, cụ thể: 03 GV/ nhóm trẻ 12-24 tháng và 02 GV/ nhóm 25-36 tháng; 16 GV/8 lớp mẫu giáo [H1-1.7-02];

Trường có 20/21GV trình độ Đại học sư phạm mầm non, đạt tỷ lệ 95,2%; 01/21GV trình độ cao đẳng sư phạm mầm non, đạt tỷ lệ 4,8%;

Tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, cụ thể: 7/21 giáo viên, đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt, đạt tỷ lệ 33,3%; 14/21 giáo viên, đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá, đạt tỷ lệ 66,7% [2.2-02]; [H2-2.2-03].

**Mức 2:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV mầm non ở mức đạt trở lên, cụ thể: năm học: 2019 – 2020 (03 tốt - tỷ lệ 12,5%, 18 khá - tỷ lệ 75%, 03 đạt – tỷ lệ 12,5% ); năm học: 2020 – 2021 (07 tốt - tỷ lệ 26,9%, 17 khá - tỷ lệ 65,4%; 02 đạt – tỷ lệ 7,4 % ); năm học: 2021 – 2022 (09 tốt - tỷ lệ 32,1%, 19 khá - tỷ lệ 67,9% ); năm học: 2022 – 2023 (09 tốt - tỷ lệ 42,9%, 12 khá - tỷ lệ 57,1%); năm học: 2023 - 2024 (09 tốt - tỷ lệ 42,9%, 12

khá - tỷ lệ 57,1%). Tuy nhiên năm học 2019-2020 giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt đạt 11,5% thấp so với yêu cầu.

[H2-2.2-03];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật [2.2-02]; [H2-2.2-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 96% GV được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp GV mầm non ở mức khá trở lên, trong đó có 31,5% GV đạt mức tốt [H2-2.2-03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ số lượng GV và đảm bảo cơ cấu theo quy định, có 100% GV có trình độ từ cao đẳng trở lên, trong đó có trên 95,2% GV có trình độ đại học. Đội ngũ GV nhiệt tình, năng nổ, có nhiều kinh nghiệm trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, có ý chí cầu tiến ham học hỏi. 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV đạt mức khá, tốt. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có GV bị kỷ luật.

## **3. Điểm yếu**

Năm học 2019-2020 giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt đạt 11,5% thấp so với yêu cầu.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo Phó Hiệu trưởng, giáo viên đề xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và khuyến khích mỗi giáo viên tự bồi dưỡng chuyên môn nâng cao năng lực của bản thân.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, tổ trưởng

- Nhân lực thực hiện: Giáo viên

- Thời gian thực hiện từ tháng 4/2025 và những năm tiếp theo

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

### ***Tiêu chí 2.3 - Đối với nhân viên***

*Mức 1:*

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công, công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

*Mức 2:*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên*

*bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 01 NV kế toán kiêm văn thư để đảm nhiệm nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H1-1.7-02];

Hằng năm, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao, căn cứ vào trình độ chuyên môn, năng lực của từng cá nhân ban hành Quyết định phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế cho từng người [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01];

Có 100% NV của nhà trường luôn có ý thức tự giác trong công việc, làm việc có trách nhiệm, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau và đều được đánh giá hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [2.3-02]; [H2-2.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có 15NV, cụ thể: 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư, 01 NV y tế, 02 NV phục vụ và 03 NV bảo vệ, 06 NV nấu ăn hợp đồng 09 tháng/năm; số lượng NV đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo quy định [H1-1.7-02];

Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [2.3-02]; [H2-2.3-03].

Mức 3:

NV có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, cụ thể: NV kế toán có bằng tốt nghiệp đại học kế toán, NV y tế có trình độ trung cấp điều dưỡng đa khoa; 01 NV phục vụ có trình độ 12/12 và 01 NV phục vụ có trình độ 09/12; 06 NV nấu ăn có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sơ cấp, chứng chỉ nghề; Nhân viên bảo vệ có 03 người trong đó 01 người được bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ. 02 bảo vệ chưa được tập huấn nghiệp vụ trong đó có 01 bảo vệ quá tuổi lao động [H2-2.3-01];[2.3-04];

Hằng năm, các NV được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm được phân công như tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm, tập huấn phòng cháy, chữa cháy, tập huấn về công tác tài chính, công tác y tế trường học do nhà trường, Phòng GD&ĐT và các ban ngành liên quan tổ chức [2.3-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng NV theo quy định, đảm nhận tốt các công việc do Hiệu trưởng phân công. Các NV có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc được giao. Các NV thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, luôn nêu cao tinh thần

trách nhiệm trong công việc.

Hàng năm tất cả NV của nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm được phân công. Được hưởng các quyền lợi, chế độ chính sách theo quy định hiện hành. Hàng năm, được tập thể nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### **3. Điểm yếu**

Nhân viên bảo vệ có 02 người chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ trong đó có 01 bảo vệ quá tuổi lao động.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện để NV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ để bảo vệ tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ tại địa phương khi mở lớp. Đảm bảo đội ngũ bảo vệ đúng độ tuổi lao động theo quy định pháp luật, có đủ sức khỏe và năng lực để thực hiện nhiệm vụ.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, nhân viên.
- Thời gian thực hiện: từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2***

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn theo quy định; đều đã qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị hành chính và tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do các cấp tổ chức. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng hàng năm, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng và năng lực tổ chức quản lý nhà trường, được sự tín nhiệm của tập thể GV, NV, tạo được sự đồng thuận, đoàn kết trong nội bộ nhà trường, luôn năng động và sáng tạo trong việc điều hành và chỉ đạo các hoạt động của đơn vị đạt hiệu quả. Nhà trường có đủ số lượng GV theo quy định; 100% GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non hằng năm và đạt từ loại khá trở lên. Nhà trường có số lượng NV đủ đảm bảo công việc theo quy định, được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm theo chuyên môn được giao.

Tuy nhiên, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; Trường còn thiếu 01 giáo viên (nghỉ làm do bệnh nặng); số lượng bảo vệ có chứng chỉ 1/3 đạt 33,3%;

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt
- + Đạt Mức 1: 3/3 tiêu chí đạt - tỷ lệ 100%;
- + Đạt Mức 2: 3/3 tiêu chí đạt - tỷ lệ 100%;
- + Đạt Mức 3: 1/3 tiêu chí đạt, tỷ lệ 33,3%; không đạt: 2/3 tiêu chí, tỷ lệ 66,7%.

### **Tiêu chuẩn 3 - Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

## Mở đầu

Trường Mầm non Vĩnh Hòa có khuôn viên riêng biệt, môi trường xung quanh đảm bảo an toàn đối với trẻ, vị trí đặt trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương, có đủ diện tích và các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non; có sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi; có phòng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ em, phòng tổ chức ăn, phòng phụ trợ đảm bảo yêu cầu; có khối phòng hành chính quản trị, các phòng được trang bị đầy đủ các đồ dùng, dụng cụ thiết bị. Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT ban hành danh mục Đồ dùng- Đồ chơi- Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Có bếp ăn được xây dựng kiên cố, đảm bảo các quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Có đủ nước sạch cho sinh hoạt của nhà trường. Công tác vệ sinh thu gom rác thải được thực hiện thường xuyên, đảm bảo không ô nhiễm môi trường.

### ***Tiêu chí 3.1- Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo***

*Mức 1:*

- a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*
- b) *Quy mô;*
- c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

Trường Mầm non Vĩnh Hòa tọa lạc tại phía Bắc thành phố Nha Trang, các công trình của nhà trường được xây dựng theo hướng kiên cố, đảm bảo so với quy định vị trí đặt trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương, môi trường xung quanh đảm bảo an toàn đối với trẻ, CBQL, GV, NV có kết nối giao thông thuận lợi đi lại dễ dàng thuận lợi cho việc đưa đón trẻ đi học, đáp ứng yêu cầu phòng chống cháy nổ [3.1-01];

Nhà trường có 10 nhóm, lớp (điểm trường chính có 08 nhóm, lớp và điểm trường Lê Nghi có 4 nhóm, lớp [3.1-02]; [3.1-03];

Tổng diện tích đất của trường là 2144,5 m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình là 1.741m<sup>2</sup>, trong đó diện tích xây dựng điểm Trịnh Hoài Đức: 1.125 m<sup>2</sup> (3 tầng) điểm 13 Lê Nghi: 616 m<sup>2</sup> (2 tầng). Diện tích sân vườn là 420 m<sup>2</sup>, trong đó điểm Trịnh Hoài Đức 275 m<sup>2</sup>, điểm 13 Lê Nghi 145 m<sup>2</sup>, diện tích khu đất xây dựng trường đảm bảo 15,4m<sup>2</sup> /01 trẻ (4.607m<sup>2</sup>/299) cho một trẻ em. Tuy nhiên Khuôn viên diện tích đất tại điểm Trịnh Hoài Đức có hình tam giác không vuông vắn, gây khó khăn nên nhà trường gặp khó khăn trong bố trí các góc chơi ngoài trời cho trẻ. [3.1-01]; [3.1-04].

## 2. Điểm mạnh

Trường có quy mô phòng học đảm bảo và được đặt tại trung tâm khu dân cư nên tạo điều kiện tốt nhất cho cha mẹ trẻ đưa con em đến trường. Môi trường xung quanh luôn đảm bảo an toàn cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Khuôn viên diện tích đất tại điểm Trịnh Hoài Đức có hình tam giác không vuông vắn, gây khó khăn nên nhà trường gặp khó khăn trong bố trí các góc chơi ngoài trời cho trẻ.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

CBQL rà soát, đánh giá lại khuôn viên để có phương án bố trí không gian hợp ký theo hiện trạng thực tế, tận dụng tối đa các khoảng trống, góc khuất để thiết kế góc nhỏ, linh hoạt phù hợp với đặc điểm của trẻ, nhà trường. Huy động sự hỗ trợ từ phụ huynh, đoàn thể và các nguồn xã hội hóa, để cải tạo các góc sân chơi, bổ sung thiết bị phù hợp với điều kiện khu đất. Tổ chức tập huấn chia sẻ kinh nghiệm cho giáo viên về cách sắp xếp, tổ chức môi trường chơi ngoài trời trong điều kiện khuôn viên hạn chế mà vẫn phát huy được theo hướng lấy trẻ làm trung tâm.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, GV, NV

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

***Tiêu chí 3.2 - Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo***

*Mức 1:*

*Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất ở mức độ tối thiểu, bao gồm:*

- a) Khối phòng hành chính quản trị;*
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;*
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.*

*Mức 2:*

*Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất ở mức độ tối thiểu, bao gồm:*

- a) Khối phòng hành chính quản trị;*
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;*
- c) Khối phụ trợ.*

*Mức 3:*

*Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.*

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

*Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất ở mức độ tối thiểu, bao gồm:*

Nhà trường có 01 phòng Hiệu trưởng (diện tích  $20\text{m}^2$ ) được trang bị 02 tủ đựng hồ sơ, 01 bộ bàn ghế làm việc, 01 bộ bàn ghế tiếp khách, 01 bộ máy tính, 01 máy in, 01 tủ lạnh, 01 máy lạnh điều hòa; 02 phòng Phó Hiệu trưởng (01 phòng diện tích  $20\text{m}^2$ ; 01 phòng diện tích  $13,07\text{m}^2$ ) được trang bị đầy đủ 04 tủ đựng hồ sơ, 02 bộ bàn ghế làm việc, 02 bộ bàn ghế tiếp khách, 02 bộ máy tính, 02 máy in; 01 Văn phòng trường (diện tích  $47,58\text{m}^2$ ) được trang bị 01 tivi, 12 bàn, 36 ghế đảm bảo đủ cho CBQL, GV, NV tham gia hội họp; 01 phòng dành cho nhân viên (diện tích  $23,35\text{m}^2$ ) có tủ để đồ dùng cá nhân, 01 phòng bảo vệ (diện tích  $15\text{m}^2$ ) đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; khu vệ sinh CBQL, GV, NV có 04 khu với tổng diện tích  $11,91\text{m}^2$ , trong đó (02 khu vệ sinh điểm trường chính diện tích  $5,94\text{m}^2$ ; 01 khu vệ sinh điểm trường Lê Nghi diện tích  $3\text{m}^2$ , 01 khu vệ sinh nhà bếp điểm trường chính diện tích  $2,97\text{m}^2$ ), không làm ảnh hưởng môi trường, khu để xe của CBQL, GV, NV (diện tích  $59,4\text{m}^2$ , trong đó khu để xe điểm trường chính diện tích  $45\text{m}^2$ , khu để xe điểm trường Lê Nghi diện tích  $14,4\text{m}^2$ ) [H3-3.2-01]; [3.2-02];

Có 10 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em/10 nhóm, lớp, diện tích 6 phòng học dãy nhà 2 tầng của điểm trường chính là  $729,6\text{m}^2$  bình quân mỗi phòng học diện tích  $121,6\text{m}^2$ , diện tích 4 phòng học của dãy 2 tầng của điểm Lê Nghi là  $335,53\text{m}^2$  bình quân mỗi phòng diện tích  $83,9\text{m}^2$ , mỗi phòng đều có khu sinh hoạt chung, nơi ngủ, khu vệ sinh, kho để chứa đồ dùng, đồ chơi. Có 01 phòng giáo dục nghệ thuật (diện tích  $81,92\text{m}^2$ ); 01 phòng giáo dục thể chất (diện tích  $92,16\text{m}^2$ ), sân chơi riêng có 35 thiết bị, đồ chơi ngoài trời; Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc / ngoại ngữ. Tuy nhiên trường chưa có phòng thư viện chuyên biệt mà tận dụng khu vực cầu thang, sảnh làm góc thư viện cho trẻ hoạt động [H3-3.2-01]; [3.2-03];

Có khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ như sau:

Khối phòng tổ chức ăn có 02 nhà bếp (diện tích  $91\text{m}^2$ , trong đó nhà bếp điểm trường chính diện tích  $50,2\text{m}^2$ , nhà bếp điểm trường Lê Nghi diện tích  $40,8\text{m}^2$ ) độc lập với các khối phòng chức năng khác, gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia ăn, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều; 02 kho bếp (diện tích  $6,85\text{m}^2$  trong đó kho bếp điểm trường chính diện tích  $2,2\text{m}^2$ , kho bếp điểm trường Lê Nghi diện tích  $4,65\text{m}^2$ ) phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm [H3-3.2-01]; [3.2-04];

Khối phụ trợ có 01 phòng họp (diện tích  $82\text{m}^2$ ) sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và hội họp được trang bị đầy đủ các thiết bị; 02 phòng y tế (diện tích  $21,42\text{m}^2$ ). Trong đó, điểm Trịnh Hoài Đức có diện tích  $11,16\text{m}^2$ , điểm Lê Nghi có diện tích  $10,26\text{m}^2$  có tủ thuốc với các loại thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;

02 nhà kho (diện tích 23,79m<sup>2</sup>, nhà kho điểm trường chính diện tích 10,89m<sup>2</sup>; nhà kho điểm trường Lê Nghi được diện tích 12,9m<sup>2</sup>) để đồ dùng, dụng cụ chung của nhà trường. Sân trường của nhà trường gồm sân chơi chung và vườn cây, bãi cỏ được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời, sân bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh tạo bóng mát sân trường. Khuôn viên của trường, điểm trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường rào bảo vệ bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường, điểm trường kiên cố, vững chắc có tên biển trường [H3-3.2-01]; [3.2-05].

#### Mức 2:

*Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, bao gồm:*

Nhà trường có đầy đủ các khối phòng hành chính quản trị đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất ở mức độ 1 [H3-3.2-01]; [3.2-02];

Nhà trường có đầy đủ các khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất ở mức độ 1 [H3-3.2-01]; [3.2-03];

Nhà trường có đầy đủ phòng khối phụ trợ đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất ở mức độ 1 [H3-3.2-01]; [3.2-05].

#### Mức 3:

Theo mô tả mức 1, Nhà trường chưa có phòng thư viện chuyên biệt mà tận dụng khu vực cầu thang, sảnh làm góc thư viện cho trẻ hoạt động nên chưa đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 [H3-3.2-01]; [3.2-03].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định, đảm bảo diện tích và được thiết kế theo tiêu chuẩn trường mầm non. Có đầy đủ các trang thiết bị tối thiểu tại các phòng thuận tiện trong quá trình làm việc của các bộ phận. Có bếp ăn được xây dựng kiên cố để phục vụ công tác bán trú, có khu để xe của CBQL, GV, NV có mái che đảm bảo an toàn.

### 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng thư viện chuyên biệt mà tận dụng khu vực cầu thang, sảnh làm góc thư viện cho trẻ hoạt động chưa có phòng thư viện tận dụng khu vực cầu thang, sảnh làm góc thư viện cho trẻ hoạt động.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì việc quản lý và sử dụng các phòng đúng theo diện tích quy định, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện làm việc của các phòng để đáp ứng yêu cầu của từng bộ phận. Đồng thời nhà trường tiếp tục tham mưu với lãnh đạo, chính quyền địa phương hướng tới công tác nâng mức độ kiểm định cho lần sau.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, cha mẹ trẻ.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 và những năm tiếp theo.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2



***Tiêu chí 3.3 - Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo***

*Mức 1:*

*Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ tối thiểu, bao gồm:*

- a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;*
- b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;*
- c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.*

*Mức 2:*

*Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.*

*Mức 3:*

*Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.*

**1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

Nhà trường có hệ thống xử lý nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước có nắp đậy và được xử lý đảm bảo trước khi thải ra môi trường, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành, nước uống của trẻ, nhà trường nấu nước và thuê người vận chuyển đảm bảo nguồn nước trẻ uống được nấu chín đáp ứng nhu cầu sử dụng, hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; hệ thống phòng cháy chữa cháy bảo đảm theo quy định hiện hành; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc điện thoại, kết nối mạng internet bảo đảm phục vụ các hoạt động của trường; khu thu gom rác thải được bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió, có hệ thống thoát nước riêng không làm ảnh hưởng đến môi trường [3.3-01]; [H3.3-02]; [H3.3-03]; [3.3-04]; [3.3-05]; [3.3-06]; [3.3-07]; [3.3-08];

Nhà trường có các hạng mục như khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập được xây dựng kiên cố 100% đảm bảo cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ [3.1-02];

Nhà trường đã trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học cho 10/10 nhóm lớp đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT. Ngoài số đồ dùng, đồ chơi, thiết bị mà nhà trường trang bị theo danh mục, giáo viên tự làm một số đồ dùng, đồ chơi bằng nguyên vật liệu mở ngoài danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, phù hợp để phục vụ cho trẻ chơi và học. Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê, thanh lý, sửa chữa kịp thời các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và đồ chơi ngoài danh

mục quy định của nhà trường được khai thác, sử dụng thường xuyên, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, đồ dùng dạy học, đồ chơi tự tạo do GV tự làm chưa đa dạng, phong phú, độ bền chưa cao, mau hỏng [H3-3.3-09]; [H3-3.3-10]; [H3-3.3-11]; [H3-3.3-12]; [H3-3.3-13].

#### Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố 100%; mật độ sử dụng đất như sau: Diện tích xây dựng công trình là: 800 m<sup>2</sup>, tỷ lệ 40%; Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi) 915,6 m<sup>2</sup> tỷ lệ trên 40%; Diện tích giao thông đường bộ 428,9 m<sup>2</sup> tỷ lệ 20% [3.1-02].

#### Mức 3:

Nhà trường có tỷ lệ xây dựng công trình kiên cố đạt 100%, tuy nhiên phòng tin học, ngoại ngữ sinh hoạt chung cùng phòng nghệ thuật nên chưa đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 [3.1-02].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có tỷ lệ các hạng mục công trình kiến cố đạt 100%, có hệ thống nước sạch, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc, khu thu gom rác thải đảm theo quy định và đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học đáp ứng tốt cho nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

### 3. Điểm yếu

Nhà trường có tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 100%, tuy nhiên chưa đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức 2 vì phòng tin học, ngoại ngữ sinh hoạt chung cùng phòng nghệ thuật nên chưa đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2

Đồ dùng dạy học, đồ chơi tự tạo do GV tự làm chưa đa dạng, phong phú, độ bền chưa cao, mau hỏng

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì thực hiện tốt các hệ thống như phòng cháy, cung cấp điện nước, thu gom rác thải, bảo trì bảo quản đồ dùng đồ chơi và các hạng mục công trình theo tỉ lệ quy định. Tiếp tục phấn đấu để được cơ sở vật chất đạt mức độ 2.

Nhà trường duy trì tổ chức Hội thi làm đồ dùng dạy học, đồ chơi tự tạo hằng năm. Trong đó, đưa ra các yêu cầu, tiêu chí về độ bền, sử dụng lâu dài của đồ dùng đồ chơi tự tạo; khuyến khích tận dụng các nguyên vật liệu thiên nhiên có độ bền và độ an toàn khi làm đồ chơi cho trẻ; phát động thi đua về bảo quản đồ dùng, đồ chơi ở các lớp.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, GV, NV, cha mẹ trẻ.

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025 -2026 và những năm tiếp theo.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3***

Nhà trường có diện tích đất, diện tích xây dựng công trình đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT theo quy định.

Nhà trường có đầy đủ các phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, phòng họp, phòng y tế, nhà bếp, khu vệ sinh, khu để xe cho CBQL, GV, NV. Các trang thiết bị tại các phòng được trang bị đầy đủ theo quy định.

Nhà trường có hệ thống nước sạch, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp điện, hệ thống xử lý rác thải và hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc đảm bảo phục vụ các hoạt động của nhà trường, Tỷ lệ các hạng mục công trình kiến cố là 100%. Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học theo quy định. Đã khai thác và sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Duy trì phong trào tự làm đồ dùng dạy học sáng tạo và đưa vào ứng dụng thực tế đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh những mặt mạnh mà nhà trường đạt được vẫn còn một số tồn tại:

Điểm trường Trịnh Hoài Đức chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhà trường chưa có phòng thư viện tận dụng khu vực cầu thang, sảnh làm góc thư viện cho trẻ hoạt động và nhà kho điểm trường Lê Nghi được tận dụng diện tích từ gầm cầu thang.

Diện tích khu đất xây dựng trường chưa đảm bảo 8m<sup>2</sup> cho một trẻ em.

Nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với tin học và ngoại ngữ mà sinh hoạt chung cùng phòng nghệ thuật.

Đồ dùng đồ chơi tự làm của GV chưa đa dạng, phong phú. Một số loại đồ dùng tự làm độ bền chưa cao, mau hỏng.

Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt

+ Đạt Mức 1: 3/3 tiêu chí - tỷ lệ 100%;

+ Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí - tỷ lệ 100%;

+ Đạt Mức 3: Không đạt: 2/2 tiêu chí - tỷ lệ 100%.

### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

#### **Mở đầu**

Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong trường mầm non là sự phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình trẻ và cộng đồng. Chính vì thế, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học và quá trình NDCSGD trẻ, giữa gia đình, nhà trường và giáo viên cần có sự phối hợp chặt chẽ với nhau qua nhiều nội dung, hình thức phong phú. Nhà trường phát huy tốt các mối quan hệ và sự phối hợp thống nhất giữa nhà trường và cộng đồng xã hội. Thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp trên về kế hoạch phát triển quy mô trường lớp, tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường;

phát huy các phong trào, vận động xã hội hóa giáo dục từ các nguồn lực trong đó chủ yếu có sự đóng góp tích cực của phần lớn cha mẹ học sinh của nhà trường.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

***Mức 1***

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

***Mức 2***

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

***Mức 3***

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Nhà trường tổ chức Hội nghị CMHS đầu năm học và bầu ra Ban ĐDCMT gồm có 10 thành viên đại diện cho các nhóm lớp hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01];

b) Ban ĐDCMT có kế hoạch hoạt động theo từng năm học trên cơ sở nhiệm vụ năm học của nhà trường [H4-4.1-02];

c) Ban ĐDCMT hàng năm tổ chức họp cha mẹ học sinh 03 lần/năm học theo đúng quy định, thực hiện các hoạt động theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ đã đề ra và đạt kết quả cao [H4-4.1-01]; [H1-1.1-05]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]

**Mức 2**

Ban ĐDCMT của lớp, trường, lớp phối hợp thường xuyên, hiệu quả với giáo viên, nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học như: Tổ chức các lễ hội cho trẻ, huy động các nguồn lực để giúp nhà trường nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ, hỗ trợ khen thưởng cho trẻ [H4-4.1-02]; [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06];

Ban ĐDCMT của trường, lớp phối hợp với nhà trường tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ. [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [4-1-08].

**Mức 3**

Ban ĐDCMT thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh như: Huy động các nguồn lực hỗ trợ về cơ sở vật chất, khen thưởng trẻ, huy động trẻ ra lớp,

xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp, phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lễ hội cho trẻ... nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục trẻ và có báo cáo cụ thể. Tuy nhiên, công tác phối hợp với các ban ngành đoàn thể, tổ chức cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ còn hạn chế [H4-4.1-01]; [H1-1.1-05]; [H4-4.1-06]; [H4-4.1-07];

## **2. Điểm mạnh**

Trường có Ban ĐDCMT, đại diện cho các nhóm lớp, được thành lập và hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; có kế hoạch hoạt động và hoạt động đúng tiến độ. Ban ĐDCMT phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; có tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục với cha mẹ trẻ một cách có hiệu quả.

## **3. Điểm yếu**

Công tác phối hợp của nhà trường với các ban ngành đoàn thể, tổ chức cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tăng cường được mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ với các tổ chức, cá nhân, huy động thêm nhiều nguồn lực xã hội hóa. Phối hợp Ban ĐDCMT tiếp tục tổ chức hoạt động và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo kế hoạch. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ NDCSGD trẻ.

Thời gian thực hiện: Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

### ***Mức 1***

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

### ***Mức 2***

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

### **Mức 3**

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1**

a) Nhà trường tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện các kế hoạch giáo dục của nhà trường như: tham mưu về công tác xây dựng kế hoạch, phối hợp với các tổ chức, đoàn thể về công tác phổ cập giáo dục, công tác tuyển sinh, an ninh trật tự trường học, xin chủ trương các khoản thu hộ, mua hộ đầu năm, quy chế phối hợp với địa phương nhằm nâng cao chất lượng NDCSGD trẻ [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.10-01]; [H1-1.2-06]; [H1-1.6-05];

b) Nhà trường đã tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và chương trình giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Đăng tin bài trên cổng thông tin điện tử của trường, tổ chức tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, qua trao đổi hàng ngày giữa giáo viên với cha mẹ trẻ, góc cha mẹ đón xem [H4-4.2-03];

c) Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các cá nhân cha mẹ trẻ bằng hình thức trao tặng, cho hiện vật, có biên bản theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H4-4.1-06] ;[4.2-05]; [H1-1.1-05].

##### **Mức 2**

a) Nhà trường đã tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, thực hiện tốt công tác tuyển sinh huy động đủ số trẻ được giao, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, không có tình trạng dịch bệnh xảy ra trong trường, công tác an ninh trật tự được đảm bảo, được chứng nhận cơ sở văn hóa. [H4-4.2-01];[H4-4.2-02];[H4-4.2-04]; [1.1-04];[H1-1.10-02];-4.2-01[H1-1.10-09];

b) Nhà trường đã phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn phường Vĩnh Hoà, công an phường để hỗ trợ cho việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như : Mừng ngày hội Bé đến trường, Bé vui Hội Trăng rằm , Bé vui đón tết, Hội khỏe măng non, các hoạt động tham quan, dã ngoại...[H4-4.2-03]; [4.2-05];[4.1-09];[H4-4.1-07].

##### **Mức 3**

Nhà trường có tham mưu với cấp ủy đảng , chính quyền và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức , đoàn thể, cá nhân để xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ. Tuy nhiên trường chưa

trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [4.2-05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường: Công tác tuyển sinh; công tác phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi; công tác tuyên truyền... Nhà trường thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Đăng tin bài trên cổng thông tin điện tử của trường, tổ chức tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, góc cha mẹ cần biết. Hàng năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Mừng ngày hội Bé đến trường, Bé vui Hội Trăng rằm, Bé vui đón tết, Hội khỏe măng non, các hoạt động tham quan, dã ngoại...

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ có kế hoạch xây dựng cụ thể để phối hợp tích cực hơn nữa với các tổ chức, đoàn thể khác, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn cùng tham gia vào các hoạt động cùng với nhà trường nhằm xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ngày càng phát triển bền vững.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Nhà trường có Ban ĐDCMT của trường và Ban ĐDCMT của 10 nhóm/lớp, xây dựng kế hoạch hoạt động và hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT. Phối hợp thường xuyên hiệu quả với nhà trường và các ban ngành đoàn thể, tổ chức cá nhân trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, ngoại khóa, chăm sóc giáo dục trẻ tại trường, vận động các nguồn lực, tài chính hỗ trợ các hoạt động cho nhà trường. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục với cha mẹ trẻ một cách có hiệu quả. Nhà trường tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Công tác Chi bộ; công tác tuyển sinh; công tác phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi; công tác tuyên truyền... nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Đăng tin bài trên website, tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, tại góc cha mẹ cần biết, thông qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ.

Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn của nhà trường chưa mạnh.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt:

- Mức 1: Đạt 02/02 tiêu chí - tỷ lệ: 100%;
- Mức 2: Đạt 02/02 tiêu chí - tỷ lệ: 100%;
- Mức 3: Đạt 01/02 tiêu chí - tỷ lệ: 50%; Không đạt 01/02 tiêu chí - tỷ lệ: 50%.

### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** **Mở đầu**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, Trường Mầm non Vĩnh Hòa tổ chức thực hiện theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện của nhà trường, văn hóa của địa phương.

Nhà trường tổ chức thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ về chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, chất lượng ngày càng được nâng lên rõ rệt. Hằng năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng được giảm dần, trẻ có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, hoàn thành các lĩnh vực theo mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non. Trẻ tự tin, chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động văn nghệ, có kỹ năng cơ bản và có khả năng cảm nhận, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với mọi người.

Thường xuyên tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ thực hiện đúng lịch tiêm chủng, chia sẻ, trao đổi kiến thức chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho trẻ thông qua các buổi họp phụ huynh, các giờ đón, trả trẻ... phối hợp với trung tâm y tế khám sức khỏe và theo dõi sức khỏe trẻ theo định kỳ.

#### ***Tiêu chí 5.1 - Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

*Mức 1:*

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

*Mức 2:*

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non;*



*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, trường mầm non và khả năng, nhu cầu của trẻ.*

*Mức 3:*

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

Nhà trường đã triển khai thực hiện Chương trình GDMN theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐT-MNVH ngày 04/9/2024 của Hội đồng trường Trường Mầm non Vĩnh Hòa về việc phê duyệt chương trình NDCSGD trẻ của Trường Mầm non Vĩnh Hòa, năm học 2024-2025, đảm bảo cho trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01];

Hằng năm, căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD &ĐT ban hành, văn bản hướng dẫn của các cấp, điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương, nhà trường trình Hội đồng trường Trường Mầm non Vĩnh Hòa ban hành Nghị quyết phê duyệt Chương trình NDCSGD chi tiết, cụ thể, phù hợp, thể hiện sự khác biệt trong xác định mức độ mục tiêu trong từng độ tuổi, ở nội dung phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ...đồng thời chỉ đạo giáo viên ở mỗi lớp sẽ lựa chọn nội dung cụ thể (chủ đề cụ thể) để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chủ đề cụ thể đó cho từng thời điểm thích hợp với những nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của lớp và nhu cầu, hứng thú cũng như vốn kinh nghiệm và khả năng của trẻ [H5-5.1-01]; [5.1-02];

Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN theo chủ đề, cuối học kỳ và cuối năm học thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng để điều chỉnh kịp thời, phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ, điều kiện của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H5-5.1-01]; [5.1-02];

*Mức 2:*

Nhà trường thực hiện kiểm tra nội bộ, bồi dưỡng chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn... để tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN [H5-5.1-01]; [5.1-02];

Trên cơ sở Chương trình GDMN do Bộ GD &ĐT ban hành Nhà trường căn cứ vào điều kiện văn hóa của địa phương và khả năng nhu cầu của nhóm, lớp để xây dựng phát triển chương trình GDMN phù hợp văn hoá ở địa phương có lồng ghép các hoạt động lễ hội, các sự kiện trong năm như ngày khai giảng, Tết Trung thu, ngày vui của Bà và Mẹ, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, ngày Tết Nguyên Đán, Hội khoẻ măng non; Văn nghệ Xuân và Trò chơi dân gian, Hội thi vẽ tranh, Hội thi tiếng Anh dành cho trẻ MG 5 tuổi ngày quốc tế phụ nữ 8/3, tổ chức cho trẻ 5 tuổi tham quan dã ngoại, tổng kết năm học. Đáp ứng nhu cầu của trẻ và đạt hiệu quả cao [H5-5.1-01]; [5.1-02].

### Mức 3:

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế, văn hoá địa phương. Nhà trường đã áp dụng hiệu quả giáo dục tích hợp theo tiếp cận Stem/Steam vào chương trình. Tuy nhiên nhà trường chưa áp dụng phong phú các phương pháp giáo dục tiến tiến khác như Montessori, Reggio Emilia vào chương trình giáo dục của trẻ [5.1-02];

Hàng năm, nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để trình Hội đồng trường Trường Mầm non Vĩnh Hòa ban hành Nghị quyết phê duyệt Chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho năm học tới [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [5.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của trường, văn hóa của địa phương và đáp ứng khả năng nhu cầu của trẻ theo từng độ tuổi. Chương trình GDMN của trường có lồng ghép các hoạt động ngày lễ, ngày hội của địa phương, các sự kiện trong năm hiệu quả. Nhà trường đã áp dụng hiệu quả giáo dục tích hợp theo tiếp cận Stem/Steam vào chương trình. Định kỳ có rà soát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa áp dụng phong phú các phương pháp giáo dục tiến tiến khác như Montessori, Reggio Emilia vào chương trình giáo dục của trẻ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì những thành quả đã đạt được đồng thời cử Phó Hiệu trưởng và GV cốt cán tham gia các lớp tập huấn tìm hiểu sâu hơn về các phương pháp giáo dục tiến tiến khác như Montessori, Reggio Emilia vào chương trình giáo dục của trẻ phù hợp với trẻ và văn hóa của địa phương. Tổ chức các hoạt động mẫu có lồng ghép giáo dục tích hợp cho toàn thể GV được dự giờ và học tập. Khuyến khích, động viên GV tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng, khai thác các thông tin trên mạng, tham khảo nội dung, hình thức, phương pháp để có sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với nhà trường, với nhóm lớp.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV.
- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 5.2 - Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc và giáo dục trẻ***

#### ***Mức 1:***

- a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

#### ***Mức 2:***

*Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.*

#### ***Mức 3:***

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên ở mỗi lớp xây dựng kế hoạch đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện thực tiễn của nhà trường, đồng thời vận dụng linh hoạt phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức thực hiện phù hợp từng độ tuổi và nhu cầu, hứng thú cũng như vốn kinh nghiệm và khả năng của trẻ trong tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H5-5.1-01]; [5.1-02];

Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp được quy hoạch, sắp xếp phù hợp để trẻ vui chơi, học tập, khám phá và trải nghiệm. Các khu vực chơi ngoài trời của trẻ được bố trí sắp xếp hợp lý: Khu khám phá trải nghiệm, khu phát triển vận động, sân bóng, vườn rau của bé, vườn cỏ tích, khu khám phá âm thanh, khu vực chơi và trải nghiệm với cát, nước; khu chợ quê, thư viện, các lối đi, hành lang cũng được tận dụng để tạo không gian và môi trường cho trẻ được chơi, học.....tận dụng không gian cho trẻ hoạt động theo nhiều cách khác nhau, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, trải nghiệm, tìm tòi, khám phá về thế giới xung quanh bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế trên quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; [5.1-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03];

GV đã tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức như:

Hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động khám phá, trải nghiệm và các hoạt động ngoại khoá, lễ hội,...phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện thực tế của nhà trường nên đạt được mục tiêu đề ra của mỗi chủ đề và đạt kết quả mong đợi cuối độ tuổi. [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06].

#### Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo GV xây dựng, bám sát kế hoạch giáo dục năm, tháng/chủ đề, giáo dục tuần, ngày phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của đơn vị, chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm tạo cho trẻ hứng thú khám phá môi trường xung quanh như: Trẻ quan sát hồ cá, quan sát vườn rau của trường, chơi sỏi, cát nước...đã giúp cho trẻ có những kỹ năng và kiến thức về môi trường sống, tạo tiền đề phát triển toàn diện cho trẻ [5.1-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06].

#### Mức 3:

Nhà trường đã chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp đa dạng, phong phú theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Môi trường giáo dục bên trong lớp học được xây dựng các góc chơi cho trẻ hoạt động bố trí thuận tiện, dễ thay đổi đáp ứng nhu cầu hứng thú và vui chơi của trẻ. Môi trường bên ngoài lớp học được: quy hoạch, sắp xếp hợp lý, tận dụng các không gian để xây dựng các khu vực khám phá, trải nghiệm cho trẻ như: Khu khám phá trải nghiệm, khu phát triển vận động, vườn rau của bé, chơi cát nước...nhằm kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi và trải nghiệm. Bên cạnh đó còn giúp trẻ có ý tưởng cùng cô tạo ra những đồ dùng, đồ chơi đơn giản, phù hợp với khả năng của trẻ và thực tế của trường với phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi” để phục vụ cho các hoạt động tiếp theo. Tuy nhiên môi trường bên ngoài lớp học tại điểm Lê Nghi góc khám phá và trải nghiệm nội dung chưa phong phú đa dạng [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã chỉ đạo GV xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường có lồng ghép các hoạt động lễ hội trong năm. Môi trường giáo dục trong và ngoài lớp đa dạng, phong phú về đồ dùng, đồ chơi, bố trí sắp xếp hợp lý đảm bảo tính an toàn cho trẻ, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ nhằm kích thích sự hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ được tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

### **3. Điểm yếu**

Diện tích sân chơi còn nhỏ hẹp nên việc thiết kế xây dựng môi trường bên ngoài cho trẻ hoạt động còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường giao trách nhiệm cho các Phó Hiệu trưởng tham mưu xây dựng kế hoạch thiết kế cải tạo môi trường bên ngoài, tận dụng tất cả các không gian sẵn có để cải tạo. Chỉ đạo, hướng dẫn GV xây dựng và khai thác sử dụng hiệu quả môi

trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm; tuyên truyền, phối hợp và huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, đoàn thể, đặc biệt là các bậc phụ huynh trong xây dựng, tôn tạo môi trường cho trẻ hoạt động.

Nhà trường tiếp tục sử dụng nguồn kinh phí, ngân sách của đơn vị và nguồn xã hội hóa từ phụ huynh để từng bước cải tạo môi trường, quy hoạch lại sân chơi, bổ sung thêm đồ chơi ngoài trời.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV .

- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

### ***Tiêu chí 5.3 - Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, sức khỏe***

*Mức 1:*

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 2:*

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 3:*

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

Hằng năm, nhà trường phối hợp với Phòng khám đa khoa số 1 và Trạm y tế phường Vĩnh Hòa chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 01 lần/ năm. Thường xuyên tuyên truyền phòng chống dịch bệnh cho trẻ để có hướng điều trị sớm nhằm đảm bảo cho trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trí tuệ [5.3-01]; [5.3-02];

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, chăm biểu đồ tăng trưởng về chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ cân nặng/chiều cao đối với trẻ dưới 60 tháng và tính chỉ số BMI đối với trẻ 61 tháng trở lên theo quy định của Bộ GD&ĐT. Kết quả 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá:

| Năm học   | Trẻ SDD thể nhẹ cân |     |          |       | Trẻ SDD thể thấp còi |       |          |     |
|-----------|---------------------|-----|----------|-------|----------------------|-------|----------|-----|
|           | Đầu năm             |     | Cuối năm |       | Đầu năm              |       | Cuối năm |     |
|           | SL                  | %   | SL       | %     | SL                   | %     | SL       | %   |
| 2020-2021 | 10/411              | 2.4 | 3/377    | 0.5   | 5/411                | 1.2   | 3/412    | 0.7 |
| 2021-2022 | 4/110               | 3.6 | 3/377    | 0.5   | 3/110                | 2.7   | 3/377    | 0.5 |
| 2022-2023 | 5/265               | 1.9 | Hết      | 4/265 | 1.5                  | Hết   |          |     |
| 2023-2024 | 11/252              | 4.4 | Hết      | 4/252 | 1.6                  | 2/275 | 0.7      |     |
| 2024-2025 | 16/289              | 5.5 | Hết      | 4/289 | 4.4                  | 4/297 | 1.4      |     |

[5.3-01];

100% trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp như tuyên truyền với cha mẹ trẻ về kiến thức nuôi con khoa học, cách chăm sóc sức khỏe hàng ngày của trẻ, quan tâm chăm sóc trẻ ăn hết suất, tăng cường lượng vận động để hạn chế tốc độ tăng cân của trẻ thừa cân; xây dựng thực đơn phong phú, có đa dạng thực phẩm, thường xuyên cải thiện chất lượng bữa ăn của trẻ để giúp cơ thể hấp thu được thức ăn, thực hiện điều chỉnh thực đơn, khẩu phần ăn của trẻ thừa cân, được cải thiện so với đầu năm học, cụ thể: tháng 9/2024: trẻ thừa cân 11/289 trẻ (tỉ lệ 8.3%), trẻ béo phì 13/289 (tỉ lệ 4,5%) suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 16/289 trẻ (tỉ lệ 5.5%); đến tháng 3/2025: trẻ thừa cân giảm còn 8/297 trẻ (tỉ lệ 2,7%); trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn 3/297 trẻ (tỉ lệ 1.0%). Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì giảm còn thấp [5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ thông qua kế hoạch truyền thông của trường như: Bảng tin, bảng tuyên truyền của trường, của lớp và các cuộc họp phụ huynh trong năm [H5-5.2-08]; [5.3-01]; [5.3-02];

Nhà trường sử dụng phần mềm dinh dưỡng Vietec để xây dựng thực đơn, tính khẩu phần dinh dưỡng. Thường xuyên thay đổi thực đơn theo ngày, tuần, mùa phù hợp và kịp thời, đảm bảo khẩu phần dinh dưỡng cân đối theo quy định tại CTGDMN, cung cấp đủ và vượt nhu cầu năng lượng kcal/ngày ở trường mầm non cho trẻ [H5-5.2-02];

Nhà trường có 100% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tỉ lệ trẻ SDD giảm mạnh trong các năm. Tuy nhiên, trẻ thừa cân, béo phì giảm không đáng kể

Theo mô tả ở Mức 1, nhà trường đảm bảo đạt ở Mức 2 [5.3-01]; [5.3-02].

**Mức 3:**

Tính đến tháng 4/2025, nhà trường có 276/297 trẻ khỏe mạnh có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, chiếm tỉ lệ 92.9%. Kết quả 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá:

[5.3-02].

| <b>Năm học</b> | <b>Trẻ phát triển bình thường về cân nặng</b> |          | <b>Trẻ phát triển bình thường về chiều cao</b> |          |
|----------------|-----------------------------------------------|----------|------------------------------------------------|----------|
|                | <b>SL</b>                                     | <b>%</b> | <b>SL</b>                                      | <b>%</b> |
| 2020-2021      | 354/412                                       | 86       | 409/412                                        | 99.3     |
| 2021-2022      | 324/377                                       | 86.2     | 372/377                                        | 99       |
| 2022-2023      | 256/285                                       | 89.8     | 285/285                                        | 100      |
| 2023-2024      | 264/275                                       | 96       | 273/275                                        | 99.3     |
| 2024-2025      | 273/297                                       | 92       | 293/297                                        | 98.6     |

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo loại hình bán trú, tiếp cận tốt kiến thức chăm sóc trẻ; các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện thuận lợi; được khám sức khỏe định kỳ và theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. Kịp thời phát hiện trẻ suy dinh dưỡng và có chế độ ăn hợp lý cho trẻ.

Chế độ chăm sóc phù hợp với từng đối tượng trẻ, có kế hoạch cụ thể triển khai đến các cha mẹ trẻ thông qua các buổi họp phụ huynh, giờ đón trả trẻ, góc tuyên truyền để biết được tình hình sức khỏe của trẻ, tư vấn kịp thời về kiến thức chăm sóc sức khỏe trẻ cho cha mẹ trẻ.

**3. Điểm yếu**

Việc tư vấn cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, thể chất, tinh thần cho trẻ đôi lúc chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phối hợp với trung tâm y tế Phường Vĩnh Hòa khám sức khỏe trẻ, tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định. Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền kiến thức nuôi dạy con theo khoa học cho các bậc cha mẹ bằng các hình thức phù hợp; chỉ đạo GV các nhóm, lớp làm tốt công tác tư vấn, phối hợp với phụ huynh trong chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV, NV y tế.
- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

### ***Tiêu chí 5.4 - Kết quả giáo dục***

#### ***Mức 1:***

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

#### ***Mức 2:***

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

#### ***Mức 3:***

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

Nhà trường có các biện pháp tuyên truyền đến cha mẹ trẻ cho trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần thông qua các buổi họp Ban ĐDCMT; giáo viên trao đổi với cha mẹ trẻ. Tính đến tháng 3/2025, tỉ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt tỉ lệ 95,3%; đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt tỉ lệ 90% [5.4-01]; [5.4-02];

Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi nên tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN hàng năm đạt từ 100% trở lên (Năm 2020 là 100%; năm 2021 là 100%; năm 2022 là 100%; năm 2023 là 100%, năm 2024 là 100%) [5.4-02];

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [5.4-03].

#### **Mức 2:**

Hàng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt từ 95% trở lên, đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 90% trở lên [5.4-01];



Hàng năm tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% [5.4-02];

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [5.4-03].

Mức 3:

Hàng năm tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% [5.4-02];

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [5.4-03].

## **2. Điểm mạnh**

100% trẻ được ăn bán trú tại trường, nhà trường luôn làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ và công tác tuyên truyền vận động học sinh ra lớp, nên tỷ lệ chuyên cần hàng tháng đạt với yêu cầu của tiêu chí. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi của trường đạt 95,3%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 90%; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN của nhà trường đạt 100%.

## **3. Điểm yếu**

Một số trẻ độ tuổi nhà trẻ đi học chưa chuyên cần do cháu nhỏ, sức đề kháng yếu nên hay bị bệnh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, tỉ lệ chuyên cần của trẻ ở các độ tuổi, tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình;

Tăng cường vận động phụ huynh học sinh đưa trẻ độ tuổi nhà trẻ đi học chuyên cần, thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh tại trường, lớp. Tuyên truyền đến phụ huynh phòng chống các dịch bệnh theo mùa để độ tuổi nhà trẻ ra lớp cuối năm tiến bộ hơn so với đầu năm.

- Nhân lực thực hiện: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV, NV y tế.
- Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5***

Để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục, nhà trường đã xây dựng và phát triển Chương trình GDMN của nhà trường trên cơ sở Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, kế hoạch giáo dục chủ đề/tháng, ngày của nhóm/lớp phù hợp với điều kiện thực tế của trường, của địa phương, đặc điểm tâm sinh lý trẻ và tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định. Định kỳ có rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN kịp thời điều chỉnh phù hợp. Thực hiện linh hoạt các phương pháp, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ từng độ tuổi và điều kiện thực tế của trường. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”. Xây dựng được các khu vực hoạt động để trẻ được vui chơi, trải nghiệm bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với từng độ tuổi;

Nhà trường đã xây dựng thực đơn phù hợp theo mùa và thường xuyên thay đổi thực đơn hàng ngày, hàng tuần để đảm bảo đủ các chất dinh dưỡng trong khẩu phần ăn cho trẻ. Phối hợp với Trung tâm y tế phường Vĩnh Hòa khám sức khỏe cho trẻ, cân đo sức khỏe và theo dõi biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tuyên truyền với phụ huynh trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Bên cạnh những điểm mạnh đã đạt được, nhà trường vẫn còn một số điểm yếu như: Nhà trường chưa tích hợp áp dụng hiệu quả giáo dục tích hợp theo tiếp cận nhiều phương pháp giáo dục tiên tiến vào chương trình. Điểm trường Trịnh Hoài Đức chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc tư vấn cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, thể chất, tinh thần cho trẻ đôi lúc chưa kịp thời. Trẻ ở độ tuổi nhà trẻ còn nhỏ, sức đề kháng yếu hay bị bệnh nên tỉ lệ chuyên cần chưa thực sự cao.

+ Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%

+ Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%

+ Đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí, đạt tỷ lệ 50%; không đạt: 2/4 tiêu chí, tỷ lệ 50%.

## II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

**Tiêu chí 1 (Khoản 1 Điều 22):** Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ GD&ĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở điều kiện thực tế của nhà trường, nhà trường đã ứng dụng phương pháp giáo dục Steam vào chương trình giáo dục của nhà trường áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ. Tuy nhiên chỉ vận dụng một phần thông qua 02 lĩnh vực phát triển thẩm mỹ và khám phá khoa học và chưa tham gia các lớp tập huấn tìm hiểu sâu hơn về các phương pháp giáo dục tiên tiến khác như Montessori, Reggio Emilia vào chương trình giáo dục của trẻ phù hợp với trẻ và văn hóa của địa phương. [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để thực hiện chương trình giảng dạy trong trường phù hợp với độ tuổi, điều kiện của nhà trường, văn hóa của địa phương. Nhà trường đã ứng dụng phương pháp giáo dục Steam vào chương trình giáo dục của nhà trường áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

### 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tham gia các lớp tập huấn tìm hiểu sâu hơn về các phương pháp giáo dục tiên tiến khác như Montessori, Reggio Emilia vào chương trình giáo dục của trẻ phù hợp với trẻ và văn hóa của địa phương.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại đơn vị phù hợp.

Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ dài hạn, tham mưu các cấp lãnh đạo cử Phó Hiệu trưởng và GV cốt cán tham gia các lớp tập huấn tìm hiểu sâu hơn về các phương pháp giáo dục tiên tiến khác như Montessori, Reggio Emilia vào chương trình giáo dục của trẻ phù hợp với trẻ và văn hóa của địa phương. Tổ chức các hoạt động mẫu có lồng ghép giáo dục tích hợp cho toàn thể GV được dự giờ và học tập. Khuyến khích, động viên GV tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng, khai thác các thông tin trên mạng, tham khảo nội dung, hình thức, phương pháp để có sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với nhà trường, với nhóm lớp.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2025-2026 và những năm tiếp theo.

#### **5. Tự đánh giá: Không đạt**

***Tiêu chí 2 (Khoản 2 Điều 22): Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.***

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường có 96% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Khá trở lên, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt còn thấp, cụ thể: Năm học 2019-2020 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt chỉ đạt 3/26 giáo viên đạt 11,5%. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [2.2-02]; [H2-2.2-03].

##### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có 96% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên. Chất lượng đội ngũ GV đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

##### **3. Điểm yếu**

Có 03 GV không đạt mức khá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tiếp tục thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề cho đội ngũ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, thường

xuyên dự giờ rút kinh nghiệm các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nâng cao chất lượng đội ngũ trong nhà trường.

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt.

**Tiêu chí 3:** (Khoản 3 Điều 22): Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

### 1. Mô tả hiện trạng

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích tối thiểu so với chuẩn quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Các lớp có các góc chơi có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, được sắp xếp gọn gàng, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Các khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp xanh, sạch, đẹp, đa dạng, phong phú về đồ chơi, đồ dùng, môi trường được sắp xếp, bố trí hợp lý, đảm bảo tính an toàn cho trẻ, môi trường được xây dựng theo hướng mở phù hợp với nhu cầu, xây dựng được các góc khám phá và trải nghiệm theo khả năng của trẻ, nhằm kích thích sự hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ được chơi và trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Tuy nhiên khuôn viên diện tích đất tại điểm Trịnh Hoài Đức có hình tam giác không vuông vắn, gây khó khăn nên nhà trường gặp khó khăn trong bố trí các góc chơi ngoài trời cho trẻ [3.1-02]; [3.1-03].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổng diện tích khu đất xây dựng là 4.607 m<sup>2</sup> bình quân 15,4m<sup>2</sup> /01 trẻ, đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Diện tích sân vườn là 420 m<sup>2</sup> bình quân 1,8 m<sup>2</sup>/trẻ, có sân chơi được lát gạch sạch sẽ, thoáng mát, nhiều cây xanh tạo bóng mát, có sân chơi chung để thực hiện các hoạt động phát triển thể chất, có đầy đủ thiết bị đồ dùng đồ chơi ngoài trời theo quy định. Có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm, lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

### 3. Điểm yếu

Khuôn viên diện tích đất tại điểm Trịnh Hoài Đức có hình tam giác không vuông vắn, gây khó khăn nên nhà trường gặp khó khăn trong bố trí các góc chơi ngoài trời cho trẻ [3.1-01]; [3.1-04].

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận nghiên cứu, sắp xếp, bố trí, tận dụng tối đa các khoảng không gian, thiết kế lại các khu vui chơi, đồ dùng đồ chơi tạo điều kiện cho trẻ tham gia các hoạt động tổ chức ngoài trời.

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4:** (Khoản 4 Điều 22): 100% các công trình của nhà trường được

*xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, có đầy đủ các phòng làm việc, nhóm, lớp, nhà bếp, công trình kiên cố đảm bảo chăm sóc giáo dục trẻ. Có đầy đủ các trang thiết bị theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 tối thiểu dành cho GDMN. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, có sân bóng mini dành cho các cháu tập đá bóng, trong sân có trụ bóng rổ tập cho cháu ném bóng rổ, ngoài ra có các thang leo giúp cháu giữ thăng bằng. Tuy nhiên nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý [H3-3.2-01]; [3.2-02]; [3.2-03]; [3.2-04]; [H3-3.2-05].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các công trình được xây dựng kiên cố, có đầy đủ các phòng đảm bảo cho khối hành chính quản trị làm việc và các nhóm, lớp, bếp hoạt động. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng nghiên cứu, tận dụng phòng y tế hoặc văn phòng để sử dụng chung làm phòng tư vấn tâm lý; chỉ đạo bộ phận hành chính và chuyên môn bảo quản, sử dụng hợp lý, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị.

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo.

### **5. Tự đánh giá: Không đạt**

***Tiêu chí 5 (Khoản 5 Điều 22):** Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trong năm qua, nhà trường hoàn thành một số mục tiêu theo phương hướng chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025. Tuy nhiên vẫn còn một số mục tiêu phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 chưa hoàn thành: chưa đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đáp ứng tình hình đổi mới hiện nay của GDMN và xã hội. [H1-1.1-03].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường cơ bản hoàn thành các mục tiêu theo kế hoạch, phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2020-2025.

### **3. Điểm yếu**

Còn một vài mục tiêu chưa hoàn thành như: chưa đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đáp ứng tình hình đổi mới hiện nay của GDMN và xã hội.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tích cực trong tuyên truyền vận động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp. Tăng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ.

Tăng cường các giải pháp, từng bước hoàn thành các mục tiêu chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025.

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo.

#### **5. Tự đánh giá: Không đạt**

***Tiêu chí 6 (Khoản 6 Điều 22):** Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.*

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến nay, nhà trường đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận như: được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác GD&ĐT năm học 2022-2023, được Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen xếp thứ 3 thi đua khối năm học 2022-2023 và khen thưởng tập thể đạt loại Tốt trong Hội thi “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” thành phố Nha Trang, năm học 2023-2024. Tuy nhiên, kết quả giáo dục và các hoạt động khác có vượt trội so với các trường chưa được duy trì [H1-1.6-01].

##### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận như: được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác GD&ĐT năm học 2022-2023, được Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen xếp thứ 3 thi đua khối năm học 2022-2023 và khen thưởng tập thể đạt loại Tốt trong Hội thi “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” thành phố Nha Trang, năm học 2023-2024.

##### **3. Điểm yếu**

Kết quả giáo dục và các hoạt động khác có vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng chưa được duy trì.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng có kế hoạch cụ thể, đưa ra những chiến lược phù hợp và biện pháp hay để các hoạt động của nhà trường đạt nhiều kết quả cao.

Phó Hiệu trưởng có kế hoạch cụ thể để chỉ đạo giáo viên nâng cao vai trò trách nhiệm, khuyến khích giáo viên nghiên cứu đưa ra các giải pháp hay, sáng tạo để nâng cao chất lượng giáo dục đạt hiệu quả cao hơn.

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025- 2026 và những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

### ***Kết luận***

Nhà trường đã phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở điều kiện thực tế của nhà trường. Chương trình giáo dục của nhà trường áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện của của trường, văn hóa địa phương. Chất lượng đội ngũ GV đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Nhà trường được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận như: được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác GD&ĐT năm học 2022-2023, được Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen xếp thứ 3 thi đua khối năm học 2022-2023 và khen thưởng tập thể đạt loại Tốt trong Hội thi “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” thành phố Nha Trang, năm học 2023-2024.

Bên cạnh những mặt mạnh vẫn còn một số mặt yếu sau: việc tham khảo, áp dụng phong phú mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Có 3 GV không đạt mức khá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Diện tích sân vườn còn hẹp chưa có đất để thiết kế các khu khám phá ngoài sân phong phú hơn. Chưa có phòng tư vấn tâm lý cho trẻ. Kết quả giáo dục và các hoạt động khác có vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng không được duy trì.

+ Tiêu chí đạt: 0/6 tiêu chí - tỷ lệ 0%

+ Tiêu chí không đạt: 6/6 tiêu chí - tỷ lệ 100%

### **Phần III**

### **KẾT LUẬN CHUNG**

Trường Mầm non Vĩnh Hòa luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND thành phố Nha Trang; Phòng GD&ĐT; sự quan tâm tạo điều kiện của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp nhiệt tình của cha mẹ trẻ; Tập thể sư phạm nhà trường luôn đoàn kết, thống nhất, có ý chí vươn lên. Bên cạnh đó cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có đã đáp ứng được nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng cao.

Qua quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đánh giá đủ 25 tiêu chí của 5 tiêu chuẩn theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ

sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Hội đồng tự đánh giá đã đánh giá được toàn bộ hiện trạng của nhà trường, phân tích điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất các biện pháp cải tiến trong thời gian tới. Kết quả đánh giá đạt được như sau:

- Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, 2, 3:

Mức 1: Đạt 22/22 tiêu chí - tỷ lệ 100%

Mức 2: Đạt 21/21 tiêu chí - tỷ lệ 100%

Mức 3: Đạt 7/14 tiêu chí - tỷ lệ: 50%; Không đạt 7/14 tiêu chí - tỷ lệ: 50%.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4 như sau:

- Đạt 0/6 tiêu chí - tỷ lệ: 100%; Không đạt 6/6 tiêu chí - tỷ lệ: 100%.

**Kết luận: Tự đánh giá đạt Mức 2**

Trường Mầm non Vĩnh Hòa đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Chuẩn Quốc gia Mức độ I./.

*Nha Trang, ngày 24 tháng 5 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Cao Thị Thu Tắt**



## DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

| Số TT                                                                                   | Mã minh chứng | Tên minh chứng                                                                                            | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát                                                        | Nơi ban hành hoặc người thực hiện     | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------|
| <b>Tiêu chuẩn 1 - Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                     |               |                                                                                                           |                                                                                                                                  |                                       |         |
| <b><i>Tiêu chí 1.1 - Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</i></b> |               |                                                                                                           |                                                                                                                                  |                                       |         |
| 1                                                                                       | [H1-1.1-01]   | Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ phường Vĩnh Hòa lần thứ IV nhiệm kỳ 2020-2025.                        | Ngày 05/6/2020                                                                                                                   | Đảng ủy Phường Vĩnh Hòa               |         |
| 2                                                                                       | [H1-1.1-02]   | Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có chữ ký của PGD.                                  | Kế hoạch Số 236/KH-MNVH, ngày 18/11/2020                                                                                         | Trường MN Vĩnh Hòa                    |         |
| 3                                                                                       | [H1-1.1-03]   | Sổ biên bản họp hội đồng nhà trường                                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                                                                     | Trường MN Vĩnh Hòa                    |         |
| 4                                                                                       | [1.1-04]      | Đường dẫn truy cập vào trang điện tử của trường                                                           | <a href="https://mnvhua-nt.khanhhoa.edu.vn/">https://mnvhua-nt.khanhhoa.edu.vn/</a>                                              | Trường MN Vĩnh Hòa                    |         |
| 5                                                                                       | [H1-1.1-05]   | Kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.                      | Kế hoạch Số 238/KH-MNVH, ngày 10/11/2021<br>Kế hoạch số 485/KH-MNVH, ngày 03/11/2022<br>Kế hoạch Số 265/KH-MNVH, ngày 25/10/2023 | Trường MN Vĩnh Hòa                    |         |
| 6                                                                                       | [H1-1.1-06]   | Kế hoạch đánh giá, giám sát thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 – 2025 tầm | Kế hoạch Số 21/KH-MNVH, ngày 30/01/2023<br>Kế hoạch Số 26/KH-MNVH,                                                               | Hội đồng trường<br>Trường MN Vĩnh Hòa |         |

|                                                                   |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    |  |
|-------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--|
|                                                                   |             | nhìn đến năm 2030 năm học: 2022-2023.                                                                                                                                                                                                                                                             | ngày 26/01/2024<br>Kế hoạch Số 24/KH-MNVH,<br>ngày 24/01/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |  |
| 7                                                                 | [H1-1.1-07] | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.                                                                                                                                                                                                                  | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 8                                                                 | [H1-1.1-08] | Biên bản rà soát bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.                                                                                                                                                                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| <b><i>Tiêu chí 1.2 - Hội đồng trường và các hội đồng khác</i></b> |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    |  |
| 9                                                                 | [H1-1.2-01] | <p>Quyết định thành lập (kiện toàn) Hội đồng trường;</p> <p>Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng;</p> <p>Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng chấm đề tài, sáng kiến</li> <li>- Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi.</li> </ul> | <p>- Quyết định số 122/QĐ-GDĐT ngày 22/4/2021; Quyết định số 435/QĐ-GDĐT ngày 03/12/2021; Quyết định số 149/QĐ- GDĐT ngày 14/02/2023; Quyết định số 1632/QĐ- GDĐT ngày 19/12/2023</p> <p>- Quyết định số 242/QĐ- MNVH ngày 19/11/2021; Quyết định số 482/QĐ- MNVH ngày 03/11/2022; Quyết định số 271/QĐ- MNVH ngày 31/10/2023;</p> <p>- Quyết định số 181/QĐ- MNVH ngày 11/10/2021; Quyết định số 265/QĐ- MNVH ngày 07/9/2022; Quyết định số 227/QĐ- MNVH ngày 07/9/2023</p> <p>- Quyết định số 349/QĐ- MNVH</p> | Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|    |             |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                             |  |
|----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--|
|    |             |                                                                                                                                                                                                                     | ngày 19/10/2022; Quyết định số 242/QĐ- MNVH ngày 19/11/2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                             |  |
| 10 | [H1-1.2-02] | Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường<br>Kế hoạch hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng<br>Kế hoạch hoạt động của Hội đồng chấm đề tài, sáng kiến<br>Kế hoạch hoạt động của Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi | Kế hoạch số 276/KH- HĐT-MNVH ngày 15/12/2021; Kế hoạch số 347/KH-HĐT-MNVH ngày 18/10/2022; Kế hoạch số 215/KH- HĐT-MNVH ngày 30/08/2023<br>Kế hoạch số 240/KH-MNVH ngày 19/11/2021; Kế hoạch số 484/KH-MNVH ngày 03/11/2022; Kế hoạch số 275/KH-MNVH ngày 01/11/2023<br><br>Kế hoạch số 313/KH-MNVH ngày 30/9/2022                                                                            | Hội đồng Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 11 | [H1-1.2-03] | Nghị quyết của Hội đồng trường.                                                                                                                                                                                     | Nghị quyết số 277/NQ-HĐT ngày 15/12/2021; Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 17/02/2022; Nghị quyết số 152/NQ-HĐT ngày 01/6/2022; Nghị quyết số 348/NQ-HĐT ngày 18/10/2022; Nghị quyết số 219/NQ-HĐT ngày 05/9/2023; Nghị quyết số 235/NQ-HĐT ngày 18/9/2023; Nghị quyết số 243/NQ-HĐT ngày 29/9/2023; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 07/7/2023; Nghị quyết số 219/NQ-HĐT ngày 05/9/2023; Nghị quyết | Hội đồng Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|                                                                                                            |             |                                                                                                                                     |                                                                                                                |                                                          |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|
|                                                                                                            |             |                                                                                                                                     | số 04/NQ-HĐT ngày 04/9/2024;<br>Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 26/6/2024; Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 04/9/2024 |                                                          |  |
| 12                                                                                                         | [H1-1.2-04] | Quy chế hoạt động của Hội đồng trường;<br><br>Quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua khen thưởng;                                   | Quy chế số 271/QC-MNVH ngày 08/12/2021<br><br>Quyết định số 114/QĐ-MNVH ngày 09/9/2024                         | Hội đồng Trường MN Vĩnh Hòa<br>Trường MN Vĩnh Hòa        |  |
| 13                                                                                                         | [H1-1.2-05] | Biên bản họp của Hội đồng trường và của các hội đồng khác.                                                                          | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                                                   | Hội đồng trường                                          |  |
| 14                                                                                                         | [H1-1.2-06] | Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng trường.<br>Báo cáo tổng kết Hội thi giáo viên dạy giỏi<br>Báo cáo kết quả sơ duyệt sáng kiến | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                                                   | Trường MN Vĩnh Hòa                                       |  |
| <b><i>Tiêu chí 1.3 - Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường</i></b> |             |                                                                                                                                     |                                                                                                                |                                                          |  |
| 15                                                                                                         | [H1-1.3-01] | Quyết định thành lập Công đoàn; chuẩn y BCH Công đoàn; Quyết định giải thể chi đoàn Chi đoàn;                                       | Quyết định số 98/QĐ-LĐ ngày 16/01/2023;<br><br>Quyết định số 27-QĐ/ĐTN ngày 30/5/2022                          | Liên đoàn lao động TP<br>Đoàn thanh niên Phường Vĩnh Hòa |  |
| 16                                                                                                         | [H1-1.3-02] | Kế hoạch hoạt động của Công                                                                                                         | Từ năm học 2022-2023 đến                                                                                       | CĐCS                                                     |  |

|    |             |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                              |                            |  |
|----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--|
|    |             | đoàn;<br>Kế hoạch hoạt động của các tổ chức khác                                                                | năm học 2024 - 2025                                                                                                                                                                          | Trường MN Vĩnh Hòa         |  |
| 17 | [H1-1.3-03] | Quy chế hoạt động hoặc quy chế phối hợp hoạt động của Công đoàn                                                 | Quyết định số 22/QC-CĐCSMN VH ngày 02/8/2023; Quyết định số 24/ QC-CĐCSMN VH ngày 04/8/2023;.                                                                                                | CĐCS<br>Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 18 | [H1-1.3-04] | Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công đoàn;<br>Văn bản đánh giá hoạt động Công đoàn của cấp có thẩm quyền (nếu có); | Từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024 – 2025<br><br>- QĐ số 299/QĐ-LĐ ngày 18/10/2023. QĐ số 287/QĐ-LĐLĐ ngày 17/9/2024.                                                                     | CĐCS<br>Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 19 | [H1-1.3-05] | Quyết định thành lập chi bộ; chuẩn y cấp ủy;<br>Nghị quyết và các báo cáo của chi bộ (đảng bộ).                 | Quyết định số 41-QĐ/ĐU ngày 29/8/2012; Quyết định số 42-QĐ/ĐU ngày 25/10/2021; Quyết định số 76-QĐ/ĐU ngày 20/6/2022; Quyết định số 240-QĐ/ĐU ngày 03/02/2025;<br>- Từ năm 2022 đến năm 2024 | Đảng ủy phường Vĩnh Hòa    |  |
| 20 | [H1-1.3-06] | Văn bản của cấp trên nhận xét đánh giá về hoạt động của chi bộ (đảng bộ).                                       | Từ năm 2022-2024                                                                                                                                                                             | Đảng ủy phường Vĩnh Hòa    |  |
| 21 | [H1-1.3-07] | Giấy chứng nhận, giấy khen chi bộ (đảng bộ) hoàn thành tốt nhiệm vụ.                                            | D:\Hình ảnh\Bang ken, giấy khen\Chi bo                                                                                                                                                       | Đảng ủy phường Vĩnh Hòa    |  |

| <b>Tiêu chí 1.4 - Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng</b> |             |                                                                                                         |                                                                                                                                       |                                                                |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|
| 22                                                                                | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng.                                                   | - Quyết định số 591/QĐ-GDDT ngày 20/4/2021<br>Quyết định số 1290/QĐ-GDDT ngày 26/8/2021<br>Quyết định số 1511/UBND –NV ngày 15/3/2022 | Phòng giáo dục<br><br>Phòng giáo dục<br><br>Ủy ban nhân dân TP |  |
| 23                                                                                | [H1.1.4-02] | Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng; bổ nhiệm tổ trưởng và tổ phó.                   | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                          | Trường MN Vĩnh Hòa                                             |  |
| 24                                                                                | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, năm học và các biên bản sinh hoạt chuyên môn của tổ.        | Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2024 – 2025                                                                                          | Các tổ CM và tổ VP                                             |  |
| 25                                                                                | [H1.1.4-04] | Hồ sơ lưu kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong tổ. | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                          | Các tổ CM và tổ VP                                             |  |
| 26                                                                                | [H1-1.4-05] | Hồ sơ thực hiện chuyên đề của tổ hàng năm.                                                              | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                          | Các tổ CM                                                      |  |
| 27                                                                                | [H1.1.4-06] | Báo cáo sơ kết, tổng kết tổ.                                                                            | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                          | Các tổ CM và tổ VP                                             |  |
| 28                                                                                | [H1-1.4-07] | Biên bản của cấp có thẩm quyền có nội dung đánh giá đóng góp                                            | - Biên bản v/v kiểm tra công tác tổ chức bán trú và an toàn                                                                           |                                                                |  |

|    |             |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                          |                    |  |
|----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--|
|    |             | của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường                                                              | trường học Ngày 24/2/2022 của PGD<br>- Biên bản v/v kiểm tra công tác tổ chức bán trú Ngày 20/5/2024 của PGD                                                             |                    |  |
| 29 | [H1-1.4-08] | Biên bản rà soát, đánh giá hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng.                                                                                             | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                             | Các tổ CM và tổ VP |  |
| 30 | [H1-1.4-09] | Quyết định về việc khen thưởng phong trào thi đua của các cấp                                                                                                         | Giấy khen Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023 - 2024                                                                                                                   | UBNDtp, tỉnh       |  |
| 27 | [H1.1.4-06] | Báo cáo sơ kết, tổng kết tổ.                                                                                                                                          | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                             | Các tổ CM và tổ VP |  |
| 28 | [H1-1.4-07] | Biên bản của cấp có thẩm quyền có nội dung đánh giá đóng góp của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường | - Biên bản v/v kiểm tra công tác tổ chức bán trú và an toàn trường học Ngày 24/2/2022 của PGD<br>- Biên bản v/v kiểm tra công tác tổ chức bán trú Ngày 20/5/2024 của PGD |                    |  |
| 29 | [H1-1.4-08] | Biên bản rà soát, đánh giá hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng.                                                                                             | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                             | Các tổ CM và tổ VP |  |
| 30 | [H1-1.4-09] | Quyết định về việc khen thưởng phong trào thi đua của các cấp                                                                                                         | Giấy khen Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023 - 2024                                                                                                                   | UBNDtp, tỉnh       |  |

***Tiêu chí 1.5 - Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

|                                                                       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                              |                    |  |
|-----------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|--|
| 31                                                                    | [H1-1.5-01] | Hồ sơ tuyển sinh (gồm: <i>Quyết định của Phòng GDĐT về việc giao chỉ tiêu biên chế lớp, trẻ; Kế hoạch tuyển sinh được Hội đồng trường phê duyệt; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và bảng phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng; Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh; Thông báo tuyển sinh; Danh sách trẻ trong tuyển; Danh sách trẻ trái tuyển có phê duyệt của Phòng GDĐT; Báo cáo tổng kết kết quả tuyển sinh</i> ). | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 32                                                                    | [H1-1.5-02] | Danh sách trẻ theo nhóm/lớp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 33                                                                    | [1.5-03]    | Hồ sơ trẻ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 34                                                                    | [H1-1.5-04] | Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học ( <i>có chữ ký GVCN</i> ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| <b><i>Tiêu chí 1.6 - Quản lý hành chính, tài chính và tài sản</i></b> |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                              |                    |  |
| 35                                                                    | [1.6-01]    | Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |



|                                                                     |             |                                                                                                        |                                                                                           |                    |  |
|---------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--|
| 36                                                                  | [1.6-02]    | Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.                                                                    | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 37                                                                  | [1.6-03]    | Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài chính; báo cáo công khai tài chính hằng năm.                  | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 38                                                                  | [1.6-04]    | Sổ quản lý tài chính.                                                                                  | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 39                                                                  | [H1-1.6-05] | Biên bản kiểm kê tài sản, thanh lý tài sản hằng năm.                                                   | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 40                                                                  | [1.6-06]    | Phần mềm quản lý quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường.                                  | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 41                                                                  | [1.6-07]    | Biên bản, thông báo, kết luận của các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tài sản, tài chính | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 42                                                                  | [H1-1.6-08] | Kế hoạch xã hội hóa                                                                                    | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 43                                                                  | [H1-1.6-09] | Hồ sơ chứng minh nguồn tài chính đã huy động được.                                                     | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| <b><i>Tiêu chí 1.7 - Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên</i></b> |             |                                                                                                        |                                                                                           |                    |  |
| 44                                                                  | [H1-1.7-01] | Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng                                                                                | - Kế hoạch số 57/KH-MNVH ngày 04/3/2022 (Năm học: 2021-2022)<br>- Kế hoạch số 218/KH-MNVH | Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|                                                      |             |                                                                                         |                                                                                                                                                                           |                                    |  |
|------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--|
|                                                      |             | Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên                                                            | ngày 05/9/2023 (Năm học: 2023-2024)<br>- Kế hoạch số 288/KH-MNVH ngày 11/10/2024; Kế hoạch số 261/KH-MNVH ngày 17/10/2024; (Năm học: 2024-2025)                           |                                    |  |
| 45                                                   | [H1-1.7-02] | Quyết định phân công nhiệm vụ giáo viên, nhân viên                                      | Quyết định số 248/QĐ-MNVH ngày 19/11/2021; Quyết định số 334/QĐ-MNVH ngày 10/10/2022; Quyết định số 199/QĐ-MNVH ngày 15/8/2023; Quyết định số 126/QĐ-MNVH ngày 04/10/2024 | Trường MN Vĩnh Hòa                 |  |
| 46                                                   | [H1-1.7-03] | Kế hoạch hoạt động của nhà trường.                                                      | Kế hoạch số 249/KH-MNVH ngày 19/11/2021; Kế hoạch số 333/KH-MNVH ngày 07/10/2022; Kế hoạch số 260/KH-MNVH ngày 09/10/2023; Kế hoạch số 281/KH-MNVH ngày 04/10/2024        | Trường MN Vĩnh Hòa                 |  |
| 47                                                   | [H1-1.7-04] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ trường học                                                        | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                              | Trường MN Vĩnh Hòa                 |  |
| <b>Tiêu chí 1.8 - Quản lý các hoạt động giáo dục</b> |             |                                                                                         |                                                                                                                                                                           |                                    |  |
| 48                                                   | [H1-1.8-01] | Nghị quyết phê duyệt Chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của Hội đồng trường. | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                              | Hội đồng trường Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|                                                              |             |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                               |  |
|--------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 49                                                           | [H1-1.8-02] | Biên bản kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều chỉnh Chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của nhà trường. | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hội đồng trường<br>Trường MN Vĩnh Hòa                                                                                         |  |
| 50                                                           | [H1-1.8-03] | Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường.                                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trường MN Vĩnh Hòa                                                                                                            |  |
| 51                                                           | [H1-1.8-04] | Biên bản kiểm tra của cấp trên về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản v/v kiểm tra công tác tổ chức bán trú và an toàn trường học Ngày 24/2/2022 của PGD</li> <li>- Biên bản v/v đánh giá công tác y tế trường học Ngày 24/11/2022</li> <li>- Biên bản Số 08/BB-ĐKT Ngày 25/10/2023 v/v kiểm tra ATTP tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống năm học 2023-2024</li> <li>- Biên bản v/v kiểm tra công tác tổ chức bán trú Ngày 20/5/2024 của PGD</li> </ul> | Phòng giáo dục<br><br>Trung tâm kiểm soát bệnh tật TP Nha Trang<br>Phòng y tế TP Nha Trang<br><br>Phòng giáo dục TP Nha Trang |  |
| <b><i>Tiêu chí 1.9 - Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</i></b> |             |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                               |  |
| 52                                                           | [H1-1.9-01] | Quy chế dân chủ của nhà trường.                                                                                | Quyết định số 71/QĐ-MNVH, ngày 18/3/2022; số 81/QĐ-MNVH, ngày 29/3/2022; số 40/QĐ-MNVH, ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trường MN Vĩnh Hòa                                                                                                            |  |

|                                                                           |              |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                            |                    |  |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--|
|                                                                           |              |                                                                                                                                                                                                               | 06/02/2023; số 41/QĐ-MNVH, ngày 06/02/2023; số 08/QĐ-MNVH, ngày 15/01/2024; số 09/QĐ-MNVH, ngày 15/01/2024 |                    |  |
| 53                                                                        | [H1-1.9-02]  | Hồ sơ Hội nghị CBCCVC-NLĐ ( <i>Kế hoạch tổ chức Hội nghị CBCCVC-NLĐ, Báo cáo tổng kết,, Quy chế chi tiêu nội bộ, Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, Phát động thi đua, Nghị quyết Hội nghị CBCCVC-NLĐ</i> ). | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025                                                               | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 54                                                                        | [H1-1.9-03]  | Hồ sơ tiếp công dân.                                                                                                                                                                                          | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                                               | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 55                                                                        | [H1-1.9-04]  | Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường.                                                                                                                                                        | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                                               | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 56                                                                        | [H1-1.9-05]  | Bảng công khai các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ nhà trường. Báo cáo sơ kết, tổng kết các vấn đề liên quan.                                                                     | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                                               | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| <b><i>Tiêu chí 1.10 - Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</i></b> |              |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                            |                    |  |
| 57                                                                        | [H1-1.10-01] | Kế hoạch an ninh trật tự; phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng cháy chữa cháy, phòng                                                                                   | Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2024 – 2025                                                               | Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|    |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                              |                    |  |
|----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|--|
|    |              | chống dịch bệnh; phòng, chống bạo lực; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; bình đẳng giới.                                                                                                                                                                                                                                          |                                              |                    |  |
| 58 | [H1-1.10-02] | Văn bản phối hợp với Công an:<br>- Quy chế phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự<br>- Đơn đề nghị tuyên truyền nghiệp vụ công tác phòng cháy chữa cháy.<br>- Kế hoạch phối hợp triển khai xây dựng mô hình, công trường an toàn giao thông<br>- Quy chế phối hợp triển khai xây dựng mô hình, công trường an toàn giao thông | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 59 | [H1-1.10-03] | Hợp đồng mua bán điện; Hợp đồng bảo trì; Hợp đồng mạng internet                                                                                                                                                                                                                                                                            | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 60 | [H1-1.10-04] | Bản cam kết bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 61 | [H1-1.10-05] | Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 62 | [1.1-06]     | Hòm thư góp ý của nhà trường; Số điện thoại đường dây nóng của trường.                                                                                                                                                                                                                                                                     | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|                                                                        |              |                                                                                                                                                                |                                                              |                    |  |
|------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------|--|
| 63                                                                     | [1.10-07]    | Hình ảnh công tác phòng cháy chữa cháy                                                                                                                         | D:\Hinh anh\PCCC                                             | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 64                                                                     | [H1-1.10-08] | Báo cáo sơ kết, tổng kết về an ninh trật tự, an toàn trường học.                                                                                               | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| <b>Tiêu chuẩn 2 - Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b> |              |                                                                                                                                                                |                                                              |                    |  |
| <b><i>Tiêu chí 2.1 - Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</i></b>      |              |                                                                                                                                                                |                                                              |                    |  |
| 65                                                                     | [2.1-01]     | Các loại bằng cấp, chứng chỉ về chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý giáo dục, ANQP, ngạch chuyên viên, tin học, ngoại ngữ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng. | Hồ sơ viên chức quy định tại Điều 10 Thông tư 07/2019/TT-NNV | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 66                                                                     | [H2-2.1-02]  | Hồ sơ đánh giá viên chức của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.                                                                                                     | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 67                                                                     | [H2-2.1-03]  | Bằng khen, giấy khen của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng                                                                                                          | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 68                                                                     | [H2-2.1-04]  | Hồ sơ đánh giá, xếp loại chuẩn hiệu trưởng của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.                                                                                   | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 69                                                                     | [2.1-05]     | Chứng nhận, chứng chỉ đã qua các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.                                              | Hồ sơ viên chức quy định tại Điều 10 Thông tư 07/2019/TT-NNV | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 70                                                                     | [H2-2.1-06]  | Biên bản lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công                                                                                                     | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|                                         |             |                                                                                                                    |                                                              |                    |                 |
|-----------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
|                                         |             | tác quản lý của nhà trường hàng năm.                                                                               |                                                              |                    |                 |
| 71                                      | [H2-2.1-07] | Hồ sơ thi đua                                                                                                      | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |                 |
| <b>Tiêu chí 2.2 - Đối với giáo viên</b> |             |                                                                                                                    |                                                              |                    |                 |
| 72                                      | [H2-2.2-01] | Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo.                                                              | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |                 |
| 73                                      | [2.2-02]    | Hồ sơ kiểm tra, đánh giá viên chức và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên.                                             | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa | Lưu [H1-1.7-04] |
| 74                                      | [H2-2.2-03] | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại viên chức và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên hằng năm.                    | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |                 |
| <b>Tiêu chí 2.3 - Đối với nhân viên</b> |             |                                                                                                                    |                                                              |                    |                 |
| 75                                      | [H2-2.3-01] | Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo.                                                              | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |                 |
| 76                                      | [2.3-02]    | Hồ sơ kiểm tra, đánh giá nhân viên.                                                                                | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa | Lưu [H1-1.7-04] |
| 77                                      | [H2-2.3-03] | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm.                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                 | Trường MN Vĩnh Hòa |                 |
| 78                                      | [2.3-04]    | Chứng chỉ, chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc kết quả học tập tại các lớp bồi | Hồ sơ viên chức quy định tại Điều 10 Thông tư 07/2019/TT-NNV | Trường MN Vĩnh Hòa |                 |

|                                                                                                                                 |             |                                                                                                                 |                                                                                                             |                          |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--|
|                                                                                                                                 |             | duỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.                                                                       |                                                                                                             |                          |  |
| <b>Tiêu chuẩn 3 - Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                                                        |             |                                                                                                                 |                                                                                                             |                          |  |
| <b><i>Tiêu chí 3.1 - Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i></b>                       |             |                                                                                                                 |                                                                                                             |                          |  |
| 79                                                                                                                              | [3.1-01]    | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất                                                                               | - Số vào sổ cấp GCN: 372161/QĐTL4461/QĐ-TC ngày 29/6/2011                                                   | Hiệu trưởng              |  |
| 80                                                                                                                              | [3.1-02]    | Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường                                                                              | - Các bản vẽ hoàn công<br>Ngày cấp 30/ 11/2009 (Lê Nghị)<br>- Ngày thẩm tra 18/10/2016 (Trịnh Hoài Đức)     | Hiệu trưởng              |  |
| 81                                                                                                                              | [3.1-03]    | Các tư liệu, hình ảnh về khuôn viên nhà trường, cổng trường, biển tên trường, tường rào bao quanh, khu sân chơi | D:\Tư đánh gia\Hình ảnh\khuon vien nhà trường\cong truong\bien ten truong\tuong rao bao quanh\ khu san chơi | Máy tính phó hiệu trưởng |  |
| <b><i>Tiêu chí 3.2 - Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i></b> |             |                                                                                                                 |                                                                                                             |                          |  |
| 82                                                                                                                              | [H3-3.2-01] | Báo cáo sơ kết, tổng kết về thực tế cơ sở vật chất trường học                                                   | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                                                |                          |  |
| 83                                                                                                                              | [3.2-02]    | Các tư liệu, hình ảnh về khối phòng hành chính quản trị                                                         | D:\Tư đánh gia\Hình ảnh\Khoi HCQT\Phong hieu truong\Phòng pho hieu truong\Văn phong truong\Phong            | Máy tính phó hiệu trưởng |  |



|                                                                                                                                                                               |           |                                                                                    |                                                                                          |                                                                            |                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|                                                                                                                                                                               |           |                                                                                    | nhân viên\Phòng bảo vệ\Khu vệ sinh GVCBNV\Khu để xe GVCBNV                               |                                                                            |                                |
| 84                                                                                                                                                                            | [3.2-03]  | Các tư liệu, hình ảnh về khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em        | D:\Tư đánh giá\Hình ảnh\Khoi NDCSGD\Phòng GDTC-NT\San chơi\Phòng thu viên                | Máy tính phó hiệu trưởng                                                   |                                |
| 85                                                                                                                                                                            | [3.2-04]  | Các tư liệu, hình ảnh về khối phòng tổ chức ăn                                     | D:\Tư đánh giá\Hình ảnh\Khoi to chuc an\Nha bep\Kho bep                                  | Máy tính phó hiệu trưởng                                                   |                                |
| 86                                                                                                                                                                            | [3.2-05]  | Các tư liệu, hình ảnh về khối phụ trợ.                                             | D:\Tư đánh giá\Hinh anh\Khoi phu tro\Phong hop\Phong y te\Nha kho\San vuon\Cong, hangrao | Máy tính phó hiệu trưởng                                                   |                                |
| <b><i>Tiêu chí 3.3 - Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i></b> |           |                                                                                    |                                                                                          |                                                                            |                                |
| 87                                                                                                                                                                            | [3.3-01]  | Hình ảnh về hệ thống thoát nước, hình ảnh hệ thống xử lý nước sinh hoạt của trường | D:\ Tư đánh giá\Hình ảnh\He thong thuat nuoc\Xu li va cung cap nuoc sinh hoat            | Máy tính phó hiệu trưởng                                                   |                                |
| 88                                                                                                                                                                            | [H3.3-02] | Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt                                                   | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025                                             | Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hòa<br>BQL Công trình CC&MT<br>Nha Trang |                                |
| 89                                                                                                                                                                            | [H3.3-03] | Phiếu kết quả kiểm nghiệm nước định kỳ                                             | Từ năm 2021 đến năm 2025                                                                 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa                                | - Nước:<br>hoadon.ctnkh.com.vn |
| 90                                                                                                                                                                            | [3.3-04]  | Hóa đơn thanh toán tiền điện                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến                                                                 | Hồ sơ Tài chính-                                                           | - Điện:                        |

|    |             |                                                                                                                                                         |                                                        |                                                                                                                                                                            |             |
|----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    |             | hàng tháng                                                                                                                                              | năm học 2024 - 2025                                    | Kế toán (Trân)                                                                                                                                                             | cskh.cpc.vn |
| 91 | [3.3-05]    | Hình ảnh hệ thống phòng cháy chữa cháy                                                                                                                  | D:\Tur đánh gia\Hinh anh\He thong phong chay chua chay | Máy tính phó hiệu trưởng                                                                                                                                                   |             |
| 92 | [3.3-06]    | Hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng/năm                                                                                                         | Từ năm 2021 đến năm 2025                               | Hồ sơ Tài chính- Kế toán (Trân)                                                                                                                                            |             |
| 93 | [3.3-07]    | Hóa đơn thanh toán tiền nước, rác thải hàng tháng                                                                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025           | Hồ sơ Tài chính- Kế toán (Trân)                                                                                                                                            |             |
| 94 | [3.3-08]    | Hình ảnh thu gom và xử lý rác thải của trường                                                                                                           | D:\Tur đánh gia\Hinh anh\Thu va xu li rác              | Máy tính phó hiệu trưởng                                                                                                                                                   |             |
| 95 | [H3.3-09]   | Danh mục các thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi                                                                                                          | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025           | Trường MN Vĩnh Hòa<br><a href="https://emisapp.misa.vn">https://emisapp.misa.vn</a><br><a href="https://qltsapp.misa.vn/settlement">https://qltsapp.misa.vn/settlement</a> |             |
| 96 | [H3-3.3-10] | Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa và hoá đơn sửa chữa các thiết bị hàng năm                                                                      | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025           | Hồ sơ Tài chính- Kế toán (Trân)                                                                                                                                            |             |
| 97 | [H3-3.3-11] | Thống kê danh mục đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên.                                                                                                 | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025           | Trường MN Vĩnh Hòa                                                                                                                                                         |             |
| 98 | [H3-3.3-12] | Thống kê số lượng đầu sách bìa cứng, sách tranh, truyện dân gian, truyện cổ tích, sách bảng chữ cái, sách học đếm, sách pháp luật, sách đạo đức, sách y | Từ năm 2024-2025                                       | Trường MN Vĩnh Hòa                                                                                                                                                         |             |

|                                                                   |             |                                                                                                                                                                                              |                                              |                              |             |
|-------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|-------------|
|                                                                   |             | tế, tài liệu tham khảo                                                                                                                                                                       |                                              |                              |             |
| 99                                                                | [H3-3.3-13] | Kế hoạch mua sắm bổ sung đầu sách bìa cứng, sách tranh, truyện dân gian, truyện cổ tích, sách bảng chữ cái, sách học đếm, sách pháp luật, sách đạo đức, sách y tế, tài liệu tham khảo mới... | Từ năm học 2024-2025                         | Trường MN Vĩnh Hòa           |             |
| <b>Tiêu chuẩn 4 - Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b> |             |                                                                                                                                                                                              |                                              |                              |             |
| <b><i>Tiêu chí 4.1 - Ban đại diện cha mẹ trẻ</i></b>              |             |                                                                                                                                                                                              |                                              |                              |             |
| 100                                                               | [H4-4.1-01] | Văn bản thành lập Ban đại diện CMHS trường, lớp.                                                                                                                                             | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Ban đại diện cha mẹ học sinh |             |
| 101                                                               | [H4-4.1-02] | Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS                                                                                                                                                     | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Ban đại diện cha mẹ học sinh |             |
| 102                                                               | [H4-4.1-03] | Biên bản họp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường                                                                                                                                            | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa           |             |
| 103                                                               | [H4-4.1-04] | Các biên bản họp cha mẹ học sinh                                                                                                                                                             | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa           |             |
| 104                                                               | [H4-4.1-05] | Danh sách các tổ chức cá nhân hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất mà Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã huy động được                                                                       |                                              | Trường MN Vĩnh Hòa           | Lưu kế toán |
| 105                                                               | [H4-4.1-06] | Hồ sơ về kinh phí Ban đại diện CMHS                                                                                                                                                          | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Ban đại diện CMHS            | Lưu kế toán |

|                                                                                                                             |             |                                                                                                                                                                                                                                                       |                                              |                    |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|------------|
|                                                                                                                             | [H4-4.1-07] | Báo cáo hoạt động của Ban đại diện CMHS                                                                                                                                                                                                               | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Ban đại diện CMHS  |            |
| 106                                                                                                                         | [4.1-08]    | Tài liệu, hình ảnh hoạt động có liên quan                                                                                                                                                                                                             | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa | Wed trường |
| <b><i>Tiêu chí 4.2 - Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường</i></b> |             |                                                                                                                                                                                                                                                       |                                              |                    |            |
| 107                                                                                                                         | [H4-4.2-01] | Các văn bản tham mưu của nhà trường với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục; công tác tuyển sinh; công tác PCGDMNCTRE5T                                                                                                | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |            |
| 108                                                                                                                         | [H4-4.2-02] | Các văn bản tham mưu của nhà trường với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường.                                                                           | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 – 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |            |
| 109                                                                                                                         | [H4-4.2-03] | Các báo cáo của các tổ chức trong nhà trường về công tác phối hợp với các tổ chức , đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |            |
| 110                                                                                                                         | [H4-4.2-04] | Giấy chứng nhận cơ quan đạt cơ                                                                                                                                                                                                                        | Năm 2022, 2023-2024                          | Công đoàn          |            |

|                                                                                     |             |                                                                                                                                                                                                                        |                                              |                    |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|--|
|                                                                                     |             | quan văn hóa                                                                                                                                                                                                           |                                              | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 111                                                                                 | [4.2-05]    | Các văn bản, hình ảnh tư liệu về hoạt động lễ hội sự kiện có liên quan                                                                                                                                                 | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| <b>Tiêu chuẩn 5 - Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>       |             |                                                                                                                                                                                                                        |                                              |                    |  |
| <b><i>Tiêu chí 5.1 - Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non</i></b>                |             |                                                                                                                                                                                                                        |                                              |                    |  |
| 112                                                                                 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch giáo dục năm học                                                                                                                                                                                              | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 113                                                                                 | [5.1-02]    | Kế hoạch giáo dục theo chủ đề và kế hoạch giáo dục ngày.                                                                                                                                                               | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| <b><i>Tiêu chí 5.2 - Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ</i></b> |             |                                                                                                                                                                                                                        |                                              |                    |  |
| 114                                                                                 | [H5-5.2-01] | Sổ theo dõi trẻ:điểm danh, khám sức khỏe, theo dõi đánh giá trẻ; Sổ đánh giá cuối giai đoạn/cuối chủ đề của từng nhóm/lớp; sổ theo dõi tài sản nhóm/lớp<br>Sổ dự giờ.                                                  | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 115                                                                                 | [H5-5.2-02] | Hồ sơ quản lý về công tác bán trú<br>(gồm: Các văn bản chỉ đạo; Quyết định thành lập ban quản lý bán trú và phân công nhiệm vụ các thành viên; Bảng phân công nhiệm vụ nhân viên nấu ăn; Kế hoạch bán trú (năm, tháng, | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                              |                    |  |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|--|
|     |             | tuần); Biên bản kiểm tra công tác bán trú; Sổ thực đơn; Hợp đồng bán trú; Sổ kiểm thực 3 bước; Hoá đơn đi chợ (bảng kê hàng hoá); Sổ chia khẩu phần ăn; Sổ lưu, huỷ mẫu thức ăn; Bảng tính định lượng khẩu phần ăn (Kết quả thiết lập dưỡng chất); Sổ chấm ăn; Định mức xuất kho; Sổ theo dõi thu và thanh toán; Sổ quỹ tiền mặt; Bộ chứng từ quyết toán; Hồ sơ sức khoẻ nhân viên nấu ăn, bảo mẫu). |                                              |                    |  |
| 116 | [H5-5.2-03] | Kế hoạch triển khai Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
|     |             | Biên bản các cuộc họp triển khai Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
|     |             | Báo cáo kết quả triển khai Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 117 | [H5-5.2-04] | Hồ sơ các hội thi về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 118 | [H5-5.2-05] | Kế hoạch tổ chức cho trẻ hoạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Từ năm học 2021-2022 đến                     | Trường MN Vĩnh Hòa |  |

|                                                                      |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                              |                                                                                                                                                                                                                      |  |
|----------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                      |             | động vui chơi, trải nghiệm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | năm học 2024 - 2025                          |                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 119                                                                  | [H5-5.2-06] | Các Tư liệu, hình ảnh có liên quan đến tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi, trải nghiệm; góc tuyên truyền phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa<br>- <a href="https://www.facebook.com/mamnonvinhhhoa4974">https://www.facebook.com/mamnonvinhhhoa4974</a><br>- <a href="https://mnvhua-nt.khanhhoa.edu.vn">https://mnvhua-nt.khanhhoa.edu.vn</a> |  |
| <b><i>Tiêu chí 5.3 - Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</i></b> |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                              |                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 120                                                                  | [5.3-01]    | Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ trẻ phát triển bình thường về cân nặng, chiều cao.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa                                                                                                                                                                                                   |  |
| 121                                                                  | [5.3-02]    | Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa                                                                                                                                                                                                   |  |
| 122                                                                  | [H5-5.3-03] | Hồ sơ y tế trường học (gồm: <i>Văn bản chỉ đạo các cấp; Hồ sơ Ban chăm sóc sức khỏe trẻ; Kế hoạch thực hiện công tác y tế trường học hằng năm; Bảng theo dõi vệ sinh môi trường trường học (ngày, tuần, tháng, quý); Hồ sơ theo dõi cân đo trẻ; Hồ sơ khám sức khỏe trẻ (mời chuyên khoa ngành y đến khám cho trẻ- nếu có, mắt, cột sống, tim mạch, sâu răng, bệnh tật khác); Hợp đồng chăm sóc sức khỏe trẻ với trạm y tế xã, phường, thị trấn (nếu có).</i> | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa                                                                                                                                                                                                   |  |

| <b><i>Tiêu chí 5.4 - Kết quả giáo dục</i></b> |          |                                                                                      |                                              |                    |  |
|-----------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|--|
| 123                                           | [5.4-01] | Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ trẻ chuyên cần.                                      | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |
| 124                                           | [5.4-02] | Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. | Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025 | Trường MN Vĩnh Hòa |  |